

Land&Life

VOL.38 | LÂM ĐỒNG | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
INTEGRATED INFRASTRUCTURE REPORTING PROJECT MANAGEMENT CONSULTING KNOWLEDGE



LÂM ĐỒNG (2021-2025)

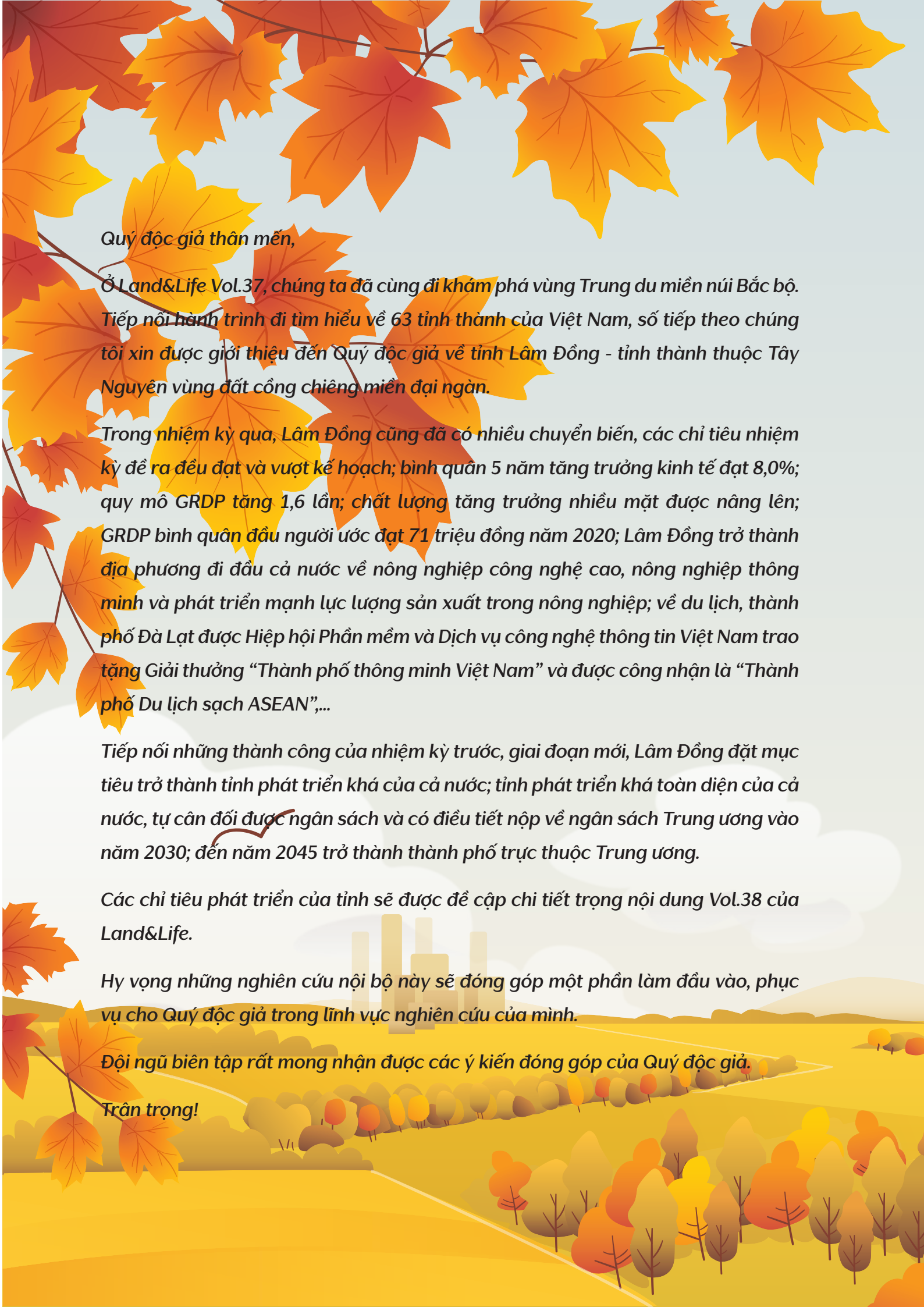
Bản đồ hành chính huyện/thành phố

Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

38

APR - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Ở Land&Life Vol.37, chúng ta đã cùng đi khám phá vùng Trung du miền núi Bắc bộ. Tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về 63 tỉnh thành của Việt Nam, số tiếp theo chúng tôi xin được giới thiệu đến Quý độc giả về tỉnh Lâm Đồng - tỉnh thành thuộc Tây Nguyên vùng đất cồng chiêng miền đại ngàn.

Trong nhiệm kỳ qua, Lâm Đồng cũng đã có nhiều chuyển biến, các chỉ tiêu nhiệm kỳ đề ra đều đạt và vượt kế hoạch; bình quân 5 năm tăng trưởng kinh tế đạt 8,0%; quy mô GRDP tăng 1,6 lần; chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên; GRDP bình quân đầu người ước đạt 71 triệu đồng năm 2020; Lâm Đồng trở thành địa phương đi đầu cả nước về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và phát triển mạnh lực lượng sản xuất trong nông nghiệp; về du lịch, thành phố Đà Lạt được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam trao tặng Giải thưởng “Thành phố thông minh Việt Nam” và được công nhận là “Thành phố Du lịch sạch ASEAN”,...

Tiếp nối những thành công của nhiệm kỳ trước, giai đoạn mới, Lâm Đồng đặt mục tiêu trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước; tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương vào năm 2030; đến năm 2045 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.38 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!



Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Man Tuan
Ho Man Tuan

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065

10



14



18





Lạc Dương



Lâm Hà



Đơn Phương



Đức Trọng

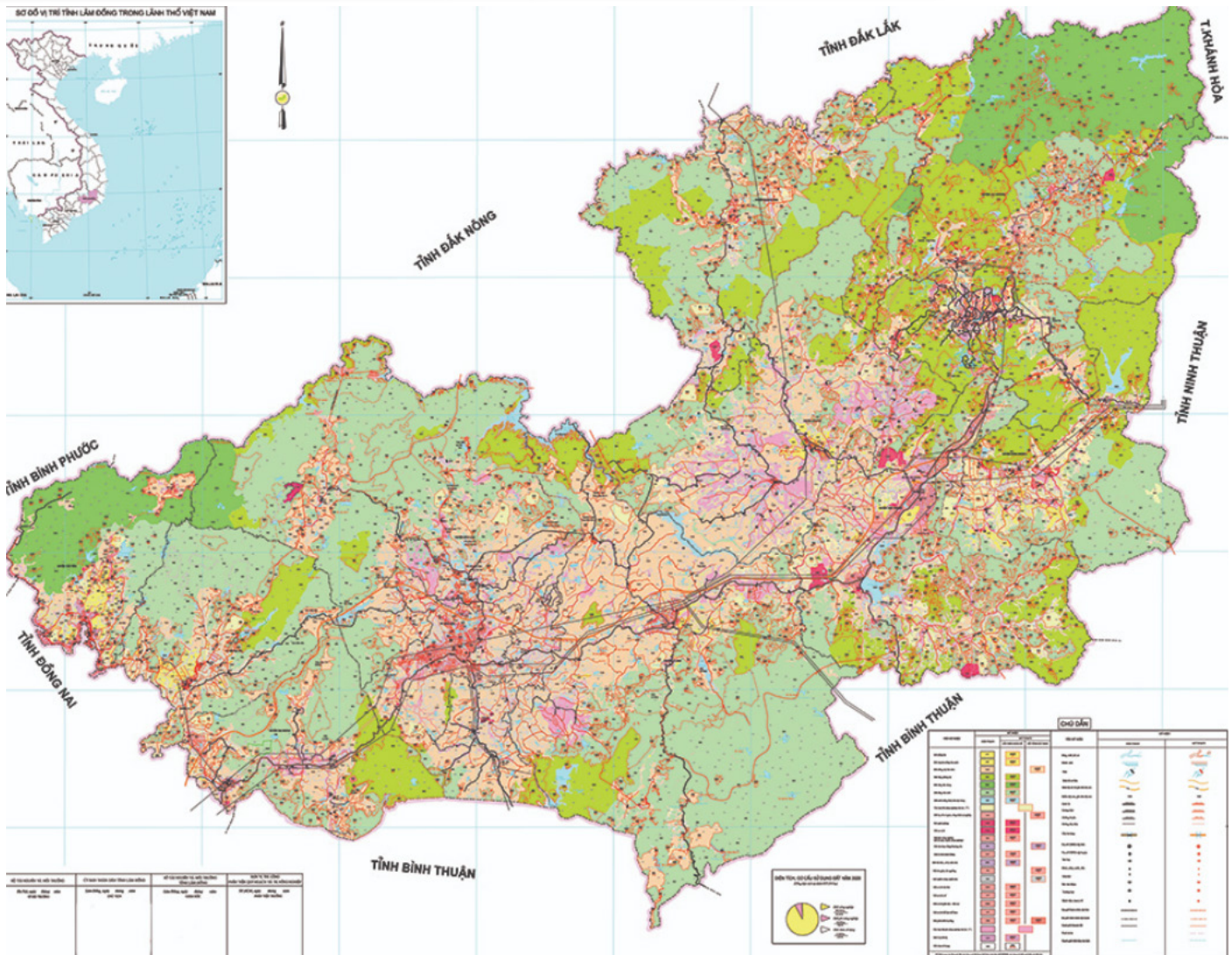


Đi Linh



Đà Huoai

TỈNH LÂM ĐỒNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Lâm Đồng thuộc Nam Tây Nguyên có tọa độ địa lý 11°12' - 12°15' vĩ độ Bắc và 107°45' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận; phía Tây Nam giáp tỉnh Đồng Nai; Phía Nam - Đông Nam giáp tỉnh Bình Thuận; phía Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 9.783,3 km²

Dân số trung bình: 1.299.300 người.

Mật độ: 133 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Lâm Đồng có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố gồm:

2 thành phố: Đà Lạt và Bảo Lộc

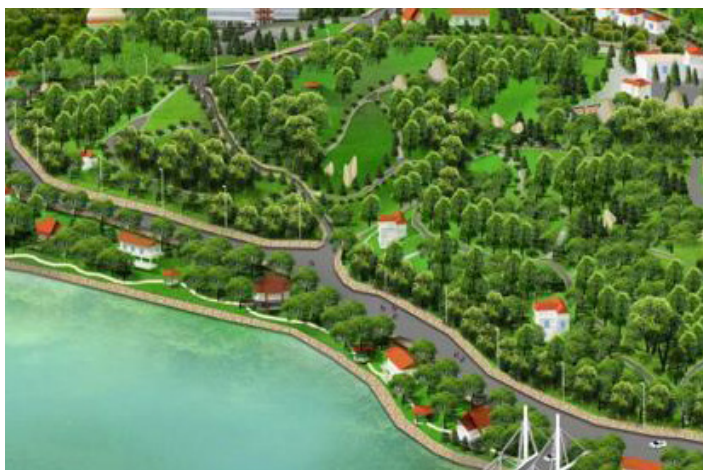
10 huyện: Đam Rông, Lạc Dương, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Terh, Cát Tiên.

142 Đơn vị cấp xã, phường, thị trấn gồm: 111 xã, 18 phường, 13 thị trấn.



LÂM ĐỒNG

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

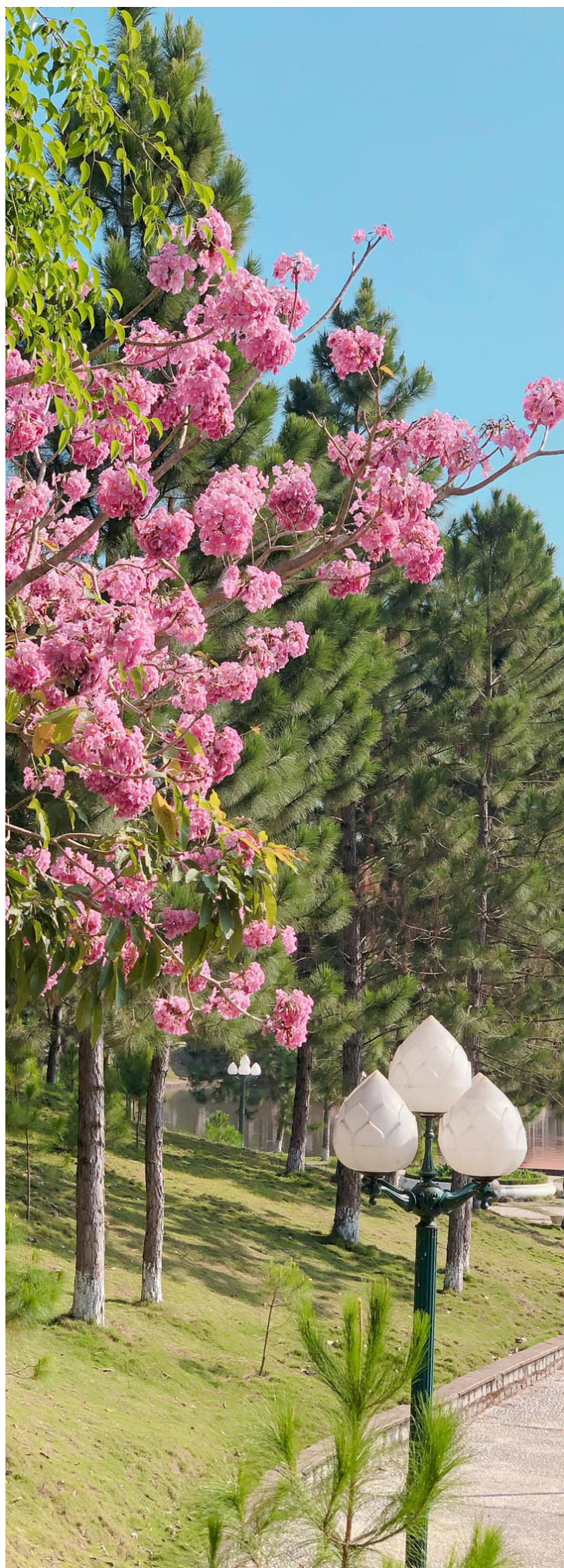


Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp, hướng đến ngành nông nghiệp toàn diện và hiện đại, là trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế.

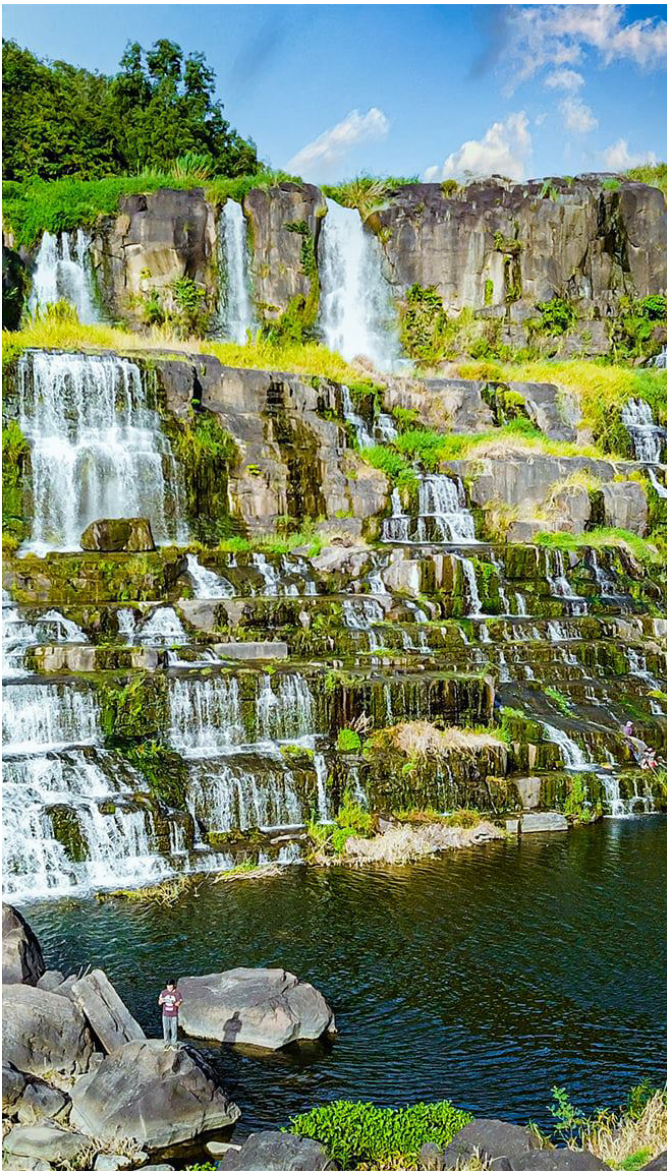
Phát triển du lịch chất lượng cao. Phát triển công nghiệp có chọn lọc. Phát triển mạnh giáo dục và khoa học kỹ thuật; nâng cao vai trò văn hóa, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa đặc sắc cộng đồng các dân tộc; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đến năm 2025: Là tỉnh phát triển khá của cả nước; đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; đến năm 2045: tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.



- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,0 - 8,0%; trong đó: khu vực nông lâm thủy tăng 4,5 - 5,0%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 11,0%; khu vực dịch vụ tăng 8,0 - 9,0%.
- Cơ cấu kinh tế: Đến năm 2025, khu vực nông lâm thủy chiếm tỷ lệ 35,0 - 36,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 22,0 - 23,5%, khu vực dịch vụ chiếm tỷ lệ 42,0 - 43,5%.
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 khoảng 120 - 125 triệu đồng, (tương đương khoảng 5.148 đến 5.363 USD); tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 8,0 - 9,0%.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 11 - 12%; trong đó, thuế, phí tăng bình quân 12 - 14%; phấn đấu đến năm 2025, ngân sách địa phương cơ bản cân đối nhu cầu chi thường xuyên.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm khoảng 14 - 15%, đến năm 2025 đạt khoảng 1.610 triệu USD.
- Lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú tăng bình quân 9%/năm; trong đó, khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú.



- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng cấp, chứng chỉ chiếm 23,6%.
- Tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%.
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều duy trì mức giảm ít nhất từ 1,0 - 1,5% (theo chuẩn giảm nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ); trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2,0 - 3,0%.
- Số bác sĩ/vận dân: 8,5 - 9 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân: 24 - 25 giường bệnh; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 khoảng 1,0%.
- Đến năm 2025, giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; 82% thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương; có từ 82% trở lên trường mầm non và phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia.



- Phấn đấu đến năm 2025, có 92% số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; 95% thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa; 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; 90% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
- Lâm Đồng đạt tiêu chí tỉnh nông thôn mới trước năm 2025; trong đó, tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 10 - 15%; Đơn Dương và Đạ Tẻh là huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Đến năm 2025, có ít nhất 95% rác thải đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; tỷ lệ hộ dân vùng đô thị sử dụng nước sạch đạt 80% trở lên; tỷ lệ hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%.
- Duy trì tỷ lệ độ che phủ của rừng trên 55%.



THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 394,46 km²

Dân số trung bình: 229.614 người.

Mật độ: 582 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên, nơi có độ cao khoảng 1.500 mét so với mực nước biển. Thành phố có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Đơn Dương

Phía Tây giáp huyện Lâm Hà và huyện Lạc Dương

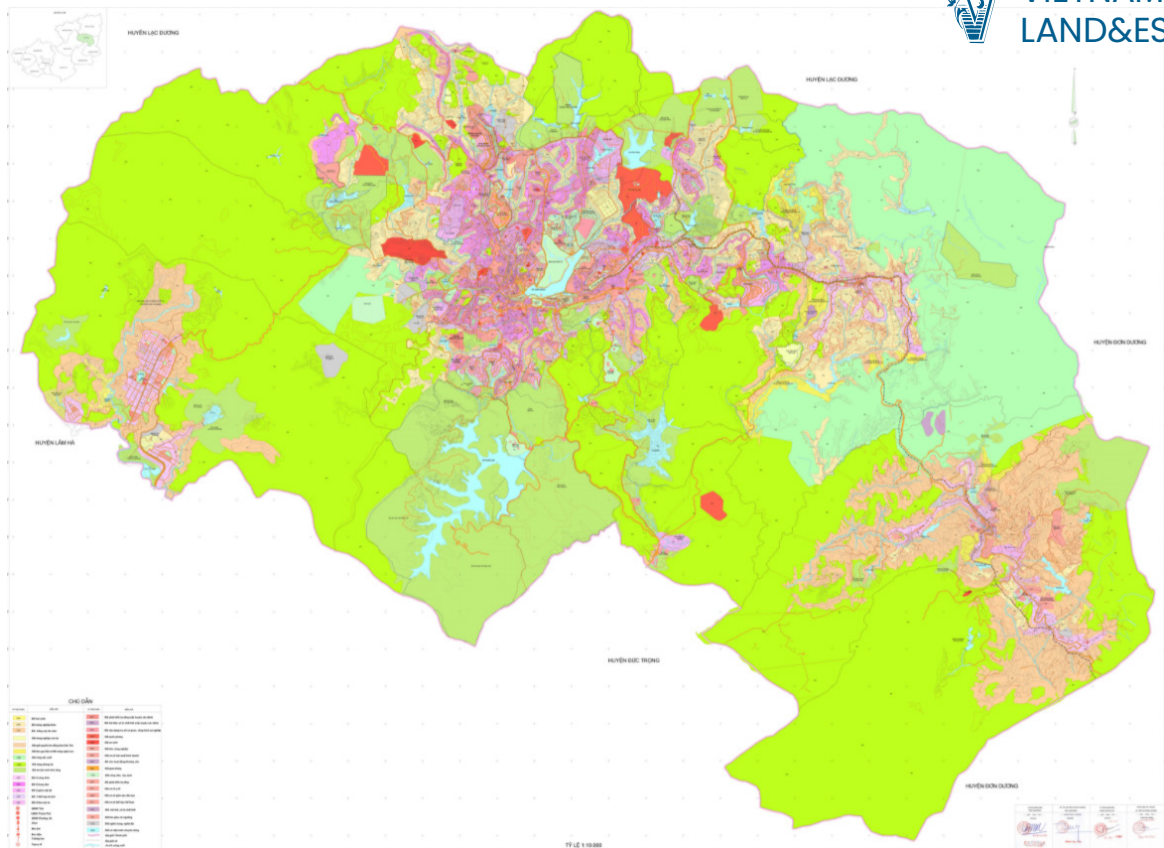
Phía Nam giáp các huyện Đức Trọng, Đơn Dương và Lâm Hà

Phía Bắc giáp huyện Lạc Dương.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Đà Lạt có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 12 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 4 xã: Tà Nung, Trạm Hành, Xuân Thọ, Xuân Trường.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thực hiện nghiêm các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Mở rộng không gian đô thị, xây dựng Đà Lạt trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa di sản tầm quốc gia, khu vực và quốc tế. Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; duy trì tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý. Phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Phát huy dân chủ, sức sáng tạo, ý chí, khát vọng của toàn dân; giữ vững đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và hệ thống chính trị; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội. Xây dựng Đà Lạt trở thành thành phố thông minh, đô thị di sản, đô thị tăng trưởng xanh, phát triển toàn diện, bền vững, văn minh, hiện đại.

KINH TẾ

- Giá trị sản xuất tăng trên 10%/năm
- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2025: Ngành nông - lâm nghiệp: 12 - 14%; công nghiệp - xây dựng: 18 - 20%; thương mại - dịch vụ: 70 - 72%
- Tổng thu ngân sách Nhà nước về thuế, phí tăng 12 - 13%/năm
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 17 - 18%/năm
- Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 618 triệu USD
- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân: 450 triệu đồng/ha/năm
- Tổng lượng khách du lịch tăng trên 7%/năm



XÃ HỘI

- Giải quyết việc làm mới 4.500 - 4.700 lao động/năm
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng <5%
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên <1%
- Trường đạt chuẩn quốc gia 75%
- Hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa trên 95%
- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 98%
- Tổ dân phố, thôn đạt chuẩn văn hóa 90%
- Phường văn minh đô thị, xã văn hóa nông thôn mới 100%
- Tổ, thôn đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu 40%
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%

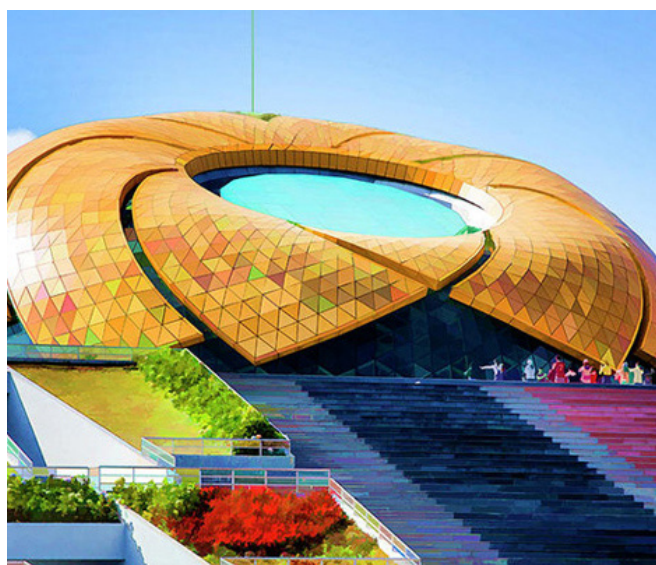


— MÔI TRƯỜNG —

- Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh: 100% hộ gia đình
- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, y tế: 99%
- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải nông nghiệp: 85%
- Độ che phủ rừng: 5%

— XÂY DỰNG ĐẢNG —

- Kết nạp 600 đảng viên/nhiệm kỳ
- Tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ: 85%



THÀNH PHỐ BẢO LỘC

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Bảo Lộc nằm ở phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng, có vị trí địa lý:

Phía Tây Nam giáp huyện Đạ Huoai

Các phía còn lại giáp huyện Bảo Lâm.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

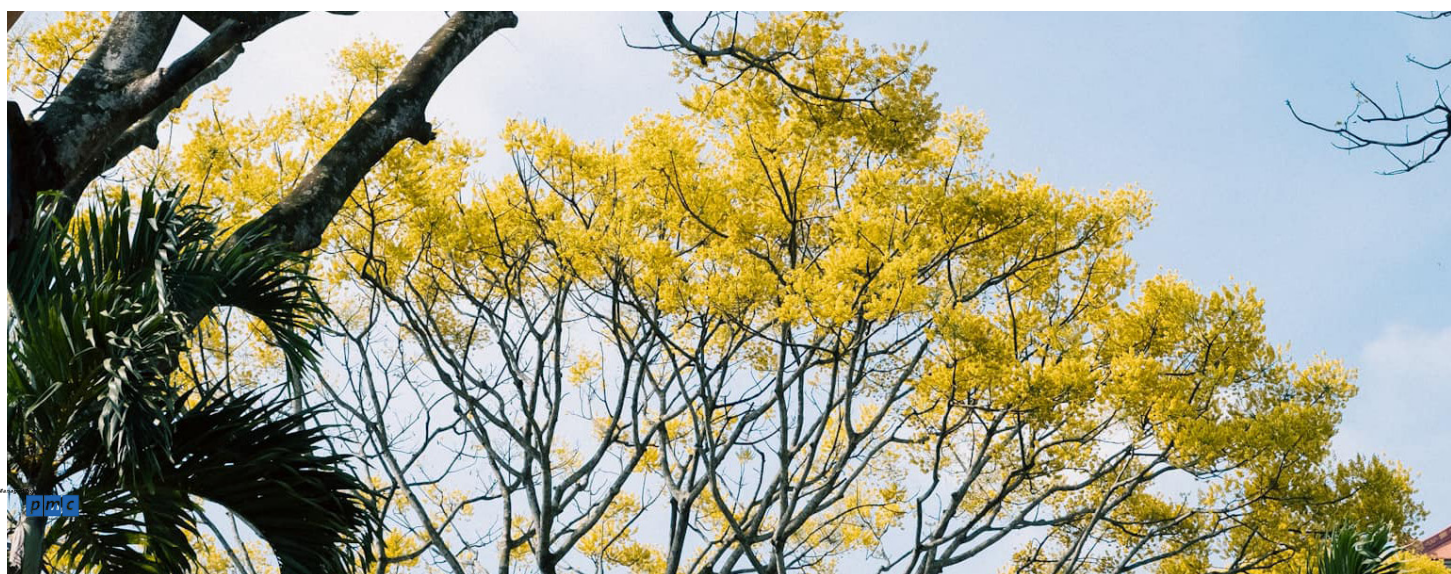
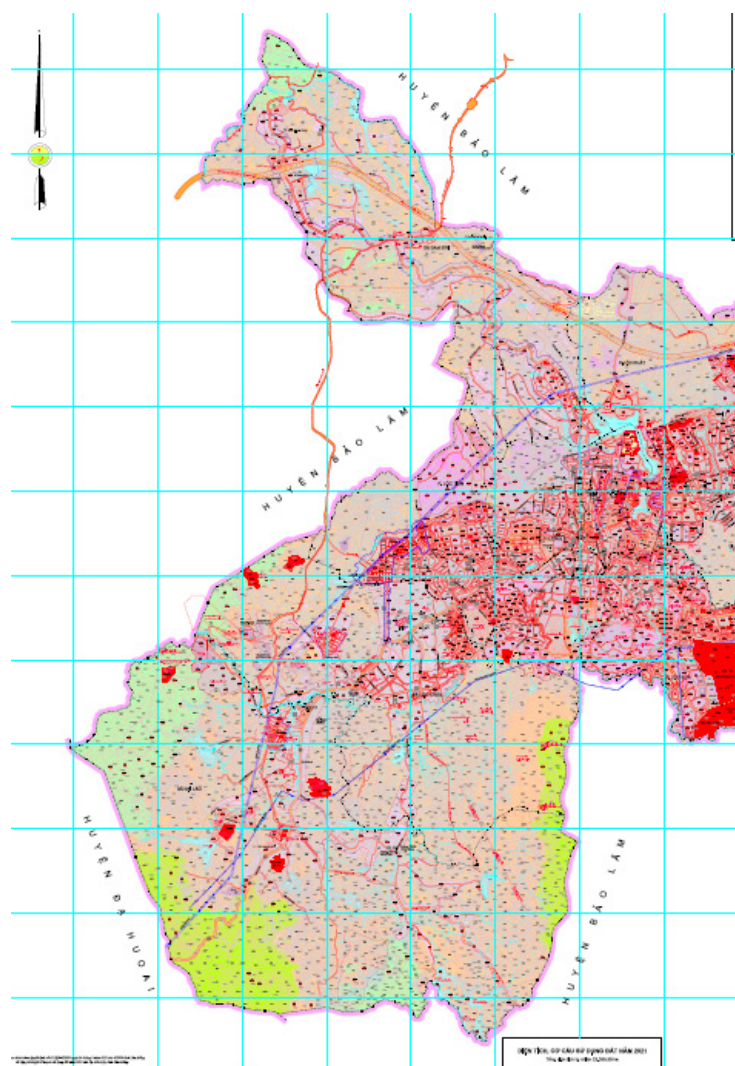
Diện tích: 233,15 km²

Dân số trung bình: 163.877 người.

Mật độ: 703 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

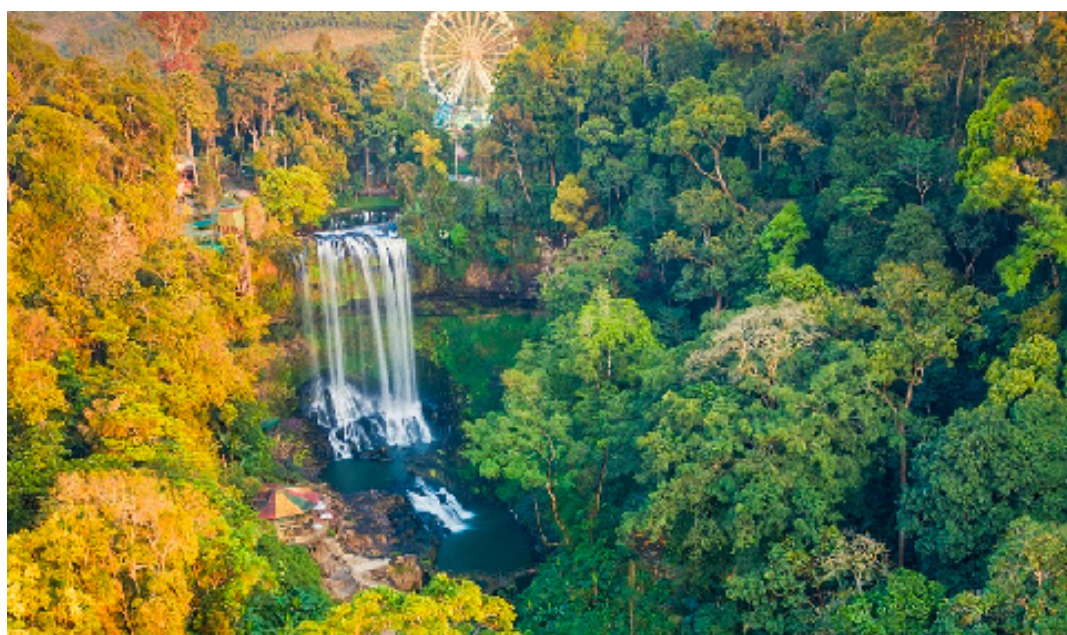
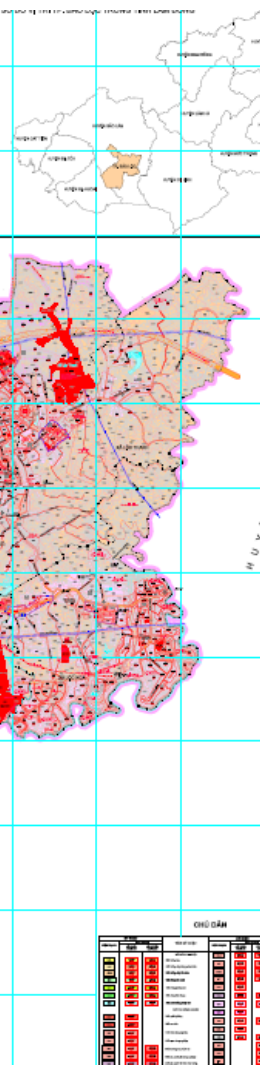
Thành phố Bảo Lộc có 11 đơn vị cấp xã trực thuộc, gồm 6 phường: 1, 2, B'Lao, Lộc Phát, Lộc Sơn, Lộc Tiến và 5 xã: Đại Lào, Đamb'ri, Lộc Châu, Lộc Nga, Lộc Thanh với 120 thôn, buôn, xóm, tổ dân phố.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Xây dựng thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại II trước năm 2025, có hạ tầng đồng bộ; là đô thị hạt nhân phía Nam của tỉnh Lâm Đồng, trung tâm Tiểu vùng III, đáp ứng các yêu cầu theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; mở rộng quy mô, phát triển sâu công nghiệp sản xuất các sản phẩm có ưu thế; thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao.



Quan tâm lĩnh vực giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội để nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Giữ vững quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, hướng đến xây dựng nền hành chính để cao tinh thần phục vụ nhân dân. Phát huy tinh thần sáng tạo, xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân; huy động mọi nguồn lực, phấn đấu xây dựng thành phố Bảo Lộc phát triển toàn diện, bền vững.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân (theo giá so sánh năm 2010) 8,5 - 9,5% năm, trong đó: giá trị sản xuất khu vực dịch vụ tăng 10 - 11%/năm; giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 11%/năm; giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,5 - 4,5%/năm;
- Bảo đảm tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo kế hoạch, tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm, trong đó thuế, phi tăng bình quân 12 - 14%/năm;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 10%/năm



XÃ HỘI

- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo dưới 0,2%;
- Tỷ lệ tăng dân số đến năm 2025 dưới 1,0%;
- 100% phường giữ vững chuẩn văn minh đô thị và đạt chuẩn phường phát triển toàn diện; 100% xã đạt chỉ số điểm chuẩn nông thôn mới từ 90% trở lên, trong đó có 01 - 02 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.
- Đến năm 2025, có từ 90 - 95% hộ gia đình văn hóa, trên 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, có 50% thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn “Khu dân cư tiêu biểu”, trong đó có 30% trở lên đạt “Khu dân cư kiểu mẫu”.
- Đến năm 2025; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 95%; 100% xã, phường đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế và đạt 9-10 bác sỹ/1 vạn dân, trên 39 giường bệnh vạn dân;
- Đến năm 2025, tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp đạt trên 95%; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 là 100%, trong đó đạt mức độ 2 trên 50%



MÔI TRƯỜNG

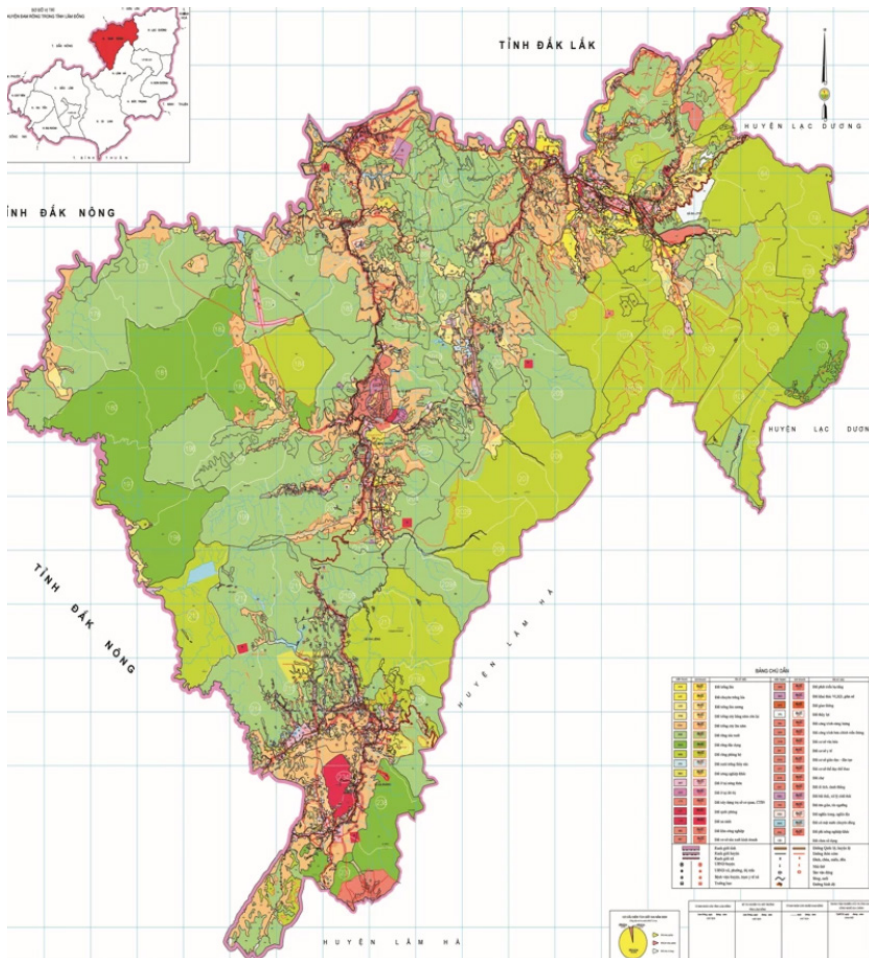
- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số toàn thành phố được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt trên 98%; trong đó, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch trên 90%;
- Đến năm 2025, có 95% rác thải đô thị và 50% nước thải sinh hoạt khu vực đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật;
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 6%

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; bình quân kết nạp 110-120 đảng viên mới/năm



ĐAM RÔNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Đam Rông là một huyện miền núi nằm ở phía tây bắc tỉnh Lâm Đồng, nằm trên cao nguyên Lâm Viên, có vị trí địa lý:

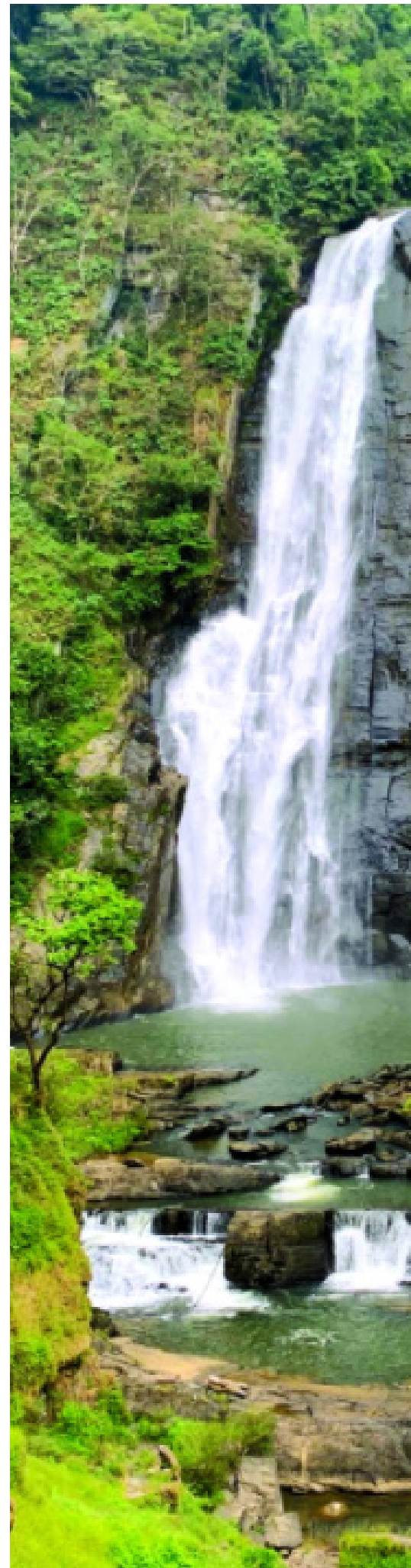
Phía Đông và đông nam giáp huyện Lạc Dương

Phía Tây nam giáp huyện Lâm Hà

Phía Tây giáp huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông

Phía Bắc và tây bắc giáp các huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk

Phía Đông bắc giáp huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk với ranh giới là sông Đạ M'rông (nhánh đầu nguồn của dòng sông Ea Krông Nô).



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 872,1 km²

Dân số trung bình: 50.548 người.

Mật độ: 58 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

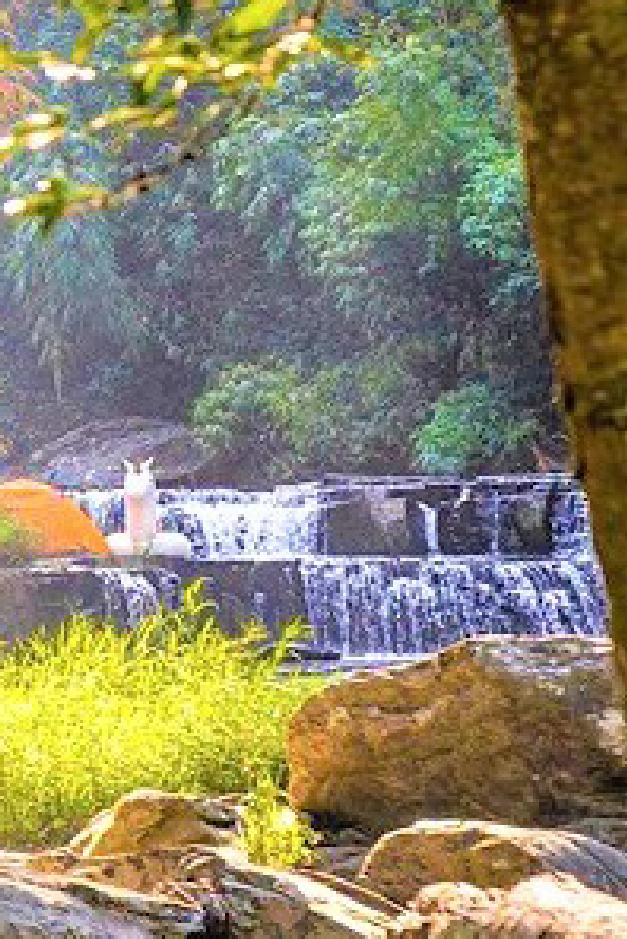
Huyện Đam Rông được chia thành 8 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm các xã: Đạ K’Nang, Đạ Long, Đạ M’Rông, Đạ Rsal, Đạ Tông, Liêng S’Rôn, Phi Liêng và Rô Men



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tổng giá trị sản xuất (GO) theo giá so sánh phần đầu đạt 3.562.924,2 triệu đồng, trong đó: nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản 1.813.985,3 triệu đồng; công nghiệp - xây dựng 573.105 triệu đồng, thương mại, dịch vụ 1.175.834 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội phần đầu đạt 1.800.000 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách nhà nước do huyện thu: 66.750 triệu đồng, trong đó: thuế, phí là 34.000 triệu đồng.
- Tổng sản lượng lương thực đạt trên 17.000 tấn.
- Tỷ lệ hộ được nghe đài truyền thanh và xem truyền hình trên 98,5%;
- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,38%;

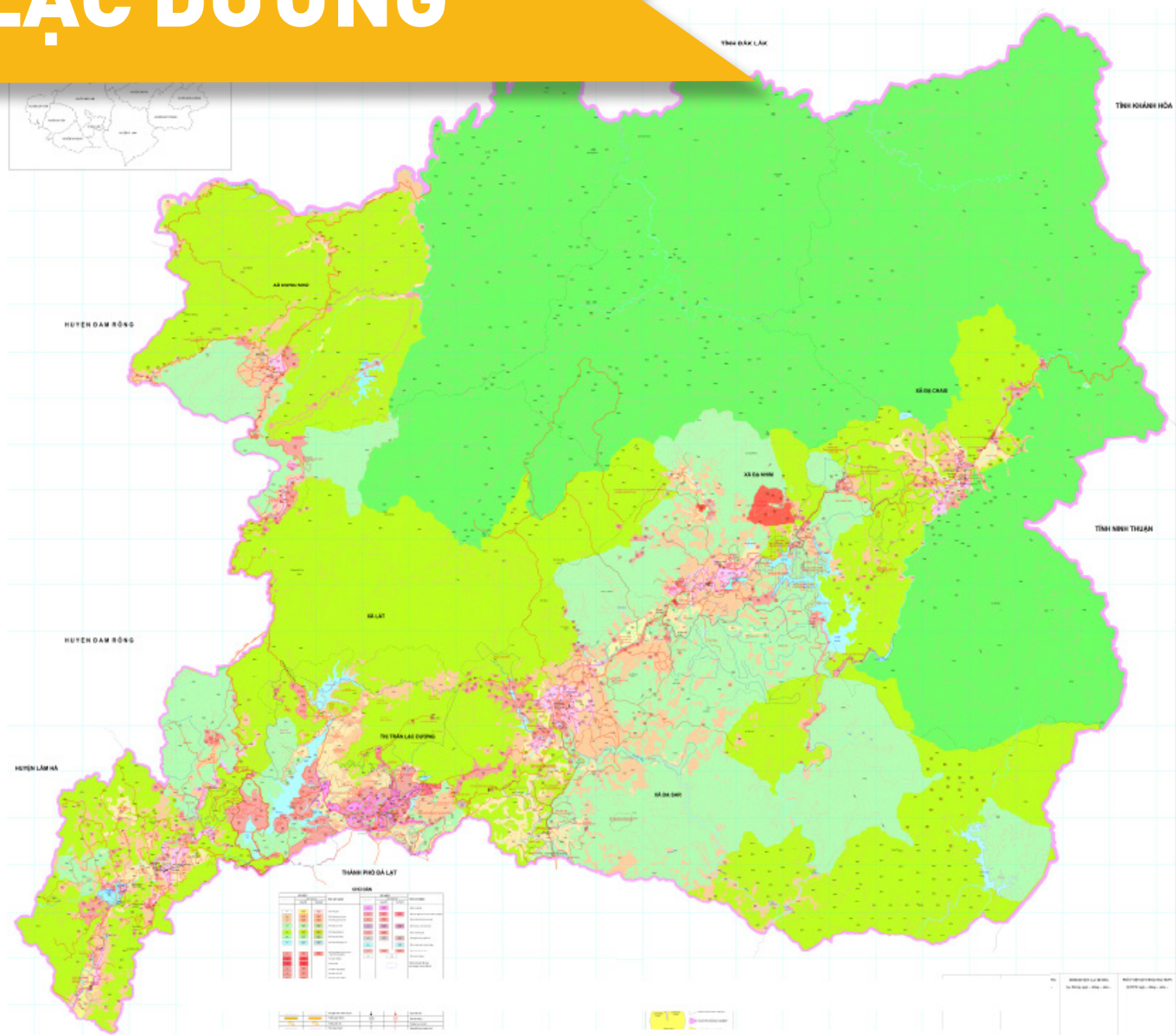




- Tạo việc làm mới cho khoảng 1.350 lao động;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 2% theo giai đoạn mới 2021 - 2025;
- Có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Đa Tông);
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) xuống dưới 23,97%;
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân trên 85%;
- Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện 97,8%;
- Có 27/36 trường mầm non, tiểu học, THCS, trường PTTH đạt chuẩn quốc gia.
- Duy trì, giữ vững đạt tỷ lệ 96,2% thôn đạt chuẩn thôn văn hóa; 92,6% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; phần đầu 85,5% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa.
- Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 65%;
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 93,5%.
- Đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 80% tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 70 đảng viên trở lên.
- Các đoàn thể chính trị - xã hội tập hợp đoàn viên, hội viên đạt 70% trở lên



LẠC DƯƠNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Lạc Dương là một huyện miền núi nằm ở phía đông bắc của tỉnh Lâm Đồng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận và huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Phía Tây giáp huyện Lâm Hà và huyện Đam Rông

Phía Nam giáp thành phố Đà Lạt và huyện Đơn Dương

Phía Bắc giáp huyện Lạc và huyện Krông Bông thuộc tỉnh Đắk Lắk.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.311,36 km²

Dân số trung bình: 26.239 người.

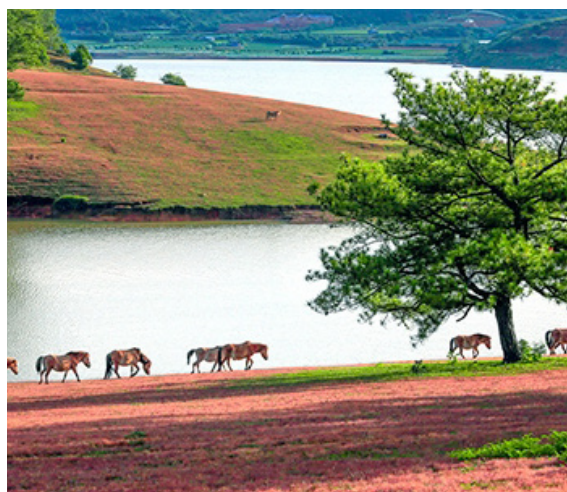
Mật độ: 20 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Lạc Dương có 6 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Lạc Dương và 5 xã: Đạ Chais, Đạ Nhim, Đạ Sar, Đưng KNố, Lát.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; giữ vững quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo; quyết tâm xây dựng Lạc Dương trở thành huyện phát triển khá của tỉnh.



- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân (theo giá so sánh năm 2010) 19,28%;
- Phấn đấu đến năm 2025 giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt khoảng 380 triệu đồng/ha/năm;
- Bình quân hàng năm tăng 10% về lượng khách và từ 12 đến 15% về doanh thu đối với ngành du lịch;
- Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1 đến 1,5% năm, trong đó, hộ dân tộc thiểu số giảm bình quân 3%/năm;
- Phấn đấu đến năm 2022 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đến năm 2025 có từ 02 đến 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Phấn đấu trong nhiệm kỳ kết nạp từ 200 đến 220 đảng viên, trong đó có 40% đảng viên là người dân tộc thiểu số.

LÂM HÀ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Lâm Hà nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Lâm Đồng, ở tọa độ vĩ tuyến 11040' - 12005', kinh tuyến 107057' - 108025'.

Phía Bắc giáp thành phố Đà Lạt và huyện Lạc Dương

Phía Nam giáp huyện Di Linh

Phía Đông giáp huyện Đức Trọng

Phía Tây giáp huyện Đam Rông và tỉnh Đắk Nông



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 930,23 km²

Dân số trung bình: 142.417 người.

Mật độ: 153 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Lâm Hà được chia thành 16 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 2 thị trấn: Đình Văn, Nam Ban và 14 xã: Đạ Đờn, Đan Phượng, Đông Thanh, Gia Lâm, Hoài Đức, Liên Hà, Mê Linh, Nam Hà, Phi Tô, Phú Sơn, Phúc Thọ, Tân Hà, Tân Thanh, Tân Văn.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ và hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, giữ vững quốc phòng, an ninh, tiếp tục đổi mới, huy động mọi nguồn lực, xây dựng huyện Lâm Hà phát triển toàn diện, bền vững



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 8%.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nông nghiệp - dịch vụ - công nghiệp, đến năm 2025: nông, lâm, thủy sản chiếm 40%; thương mại - dịch vụ chiếm 33%; công nghiệp - xây dựng chiếm 27%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 108 triệu đồng/người/năm.
- Số lượng khách du lịch đến Lâm Hà đạt hơn 300.000 lượt.
- Đến năm 2021, Lâm Hà đạt chuẩn huyện nông thôn mới.
- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt từ 27% trở lên.
- Phấn đấu giảm nghèo bình quân hằng năm khoảng 1%.
- Quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường.
- Riêng công tác xây dựng Đảng đặt ra mục tiêu hằng năm, có từ 85% tổ chức cơ sở đảng trở lên hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ; phấn đấu không có tổ chức cơ sở đảng không hoàn thành nhiệm vụ; phát triển từ 130 đảng viên trở lên.

ĐƠN PHƯƠNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đơn Dương nằm ở phía Đông tỉnh Lâm Đồng, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp hai huyện Ninh Sơn và Bắc Ái thuộc tỉnh Ninh Thuận

Phía Tây giáp huyện Đức Trọng

Phía Nam giáp huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và huyện Đức Trọng

Phía Bắc thành phố Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

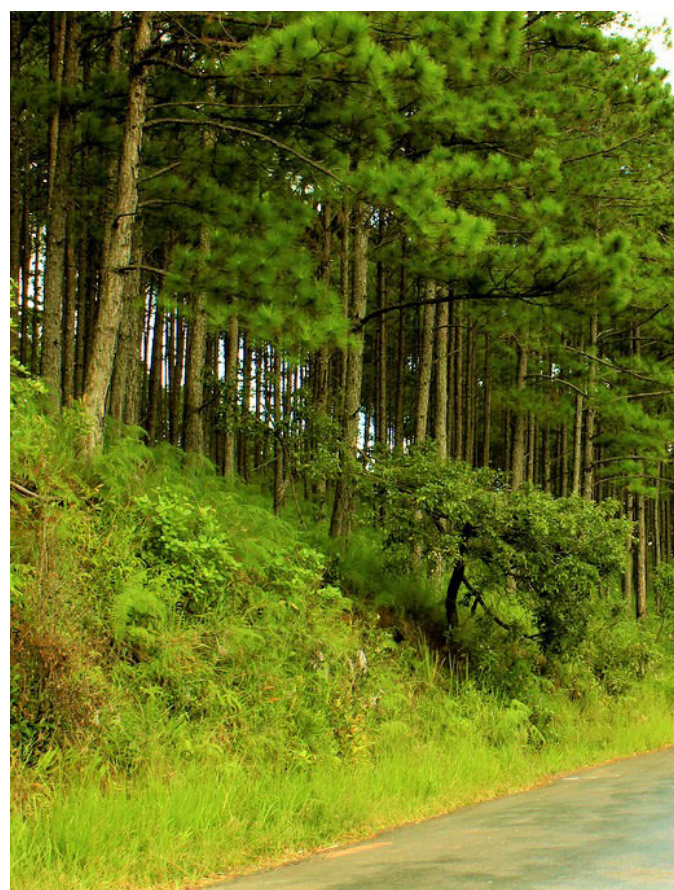
Diện tích: 611,35 km²

Dân số trung bình: 105.346 người.

Mật độ: 172 người/km²

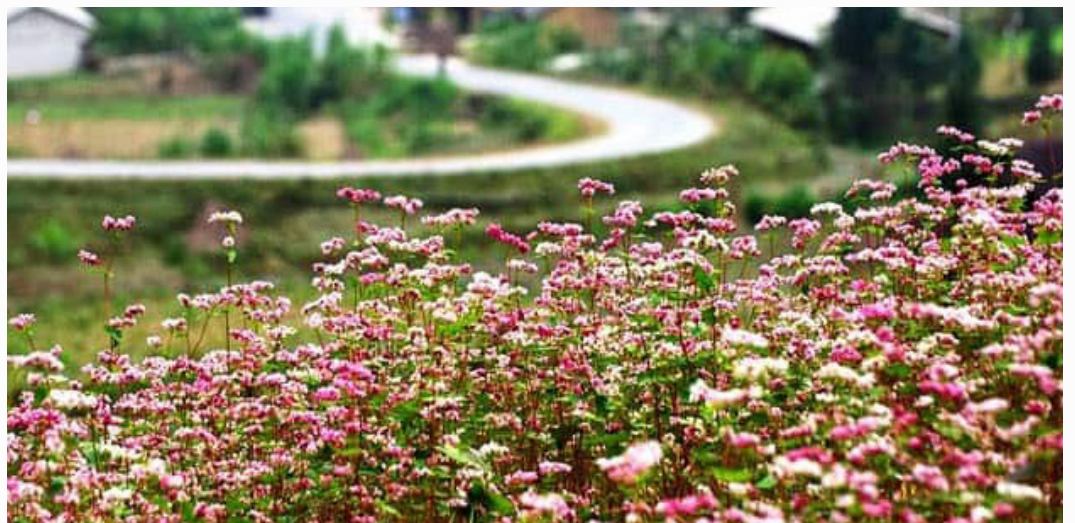
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đơn Dương được chia thành 10 đơn hành chính cấp xã gồm 2 thị trấn Thạnh Mỹ, D'Ra và 8 xã: Đạ Ròn, Ka Đô, Ka Đơn, Lạc Lâm, Lạc Xuân, Pró, Quảng Lập, Tu Tra.



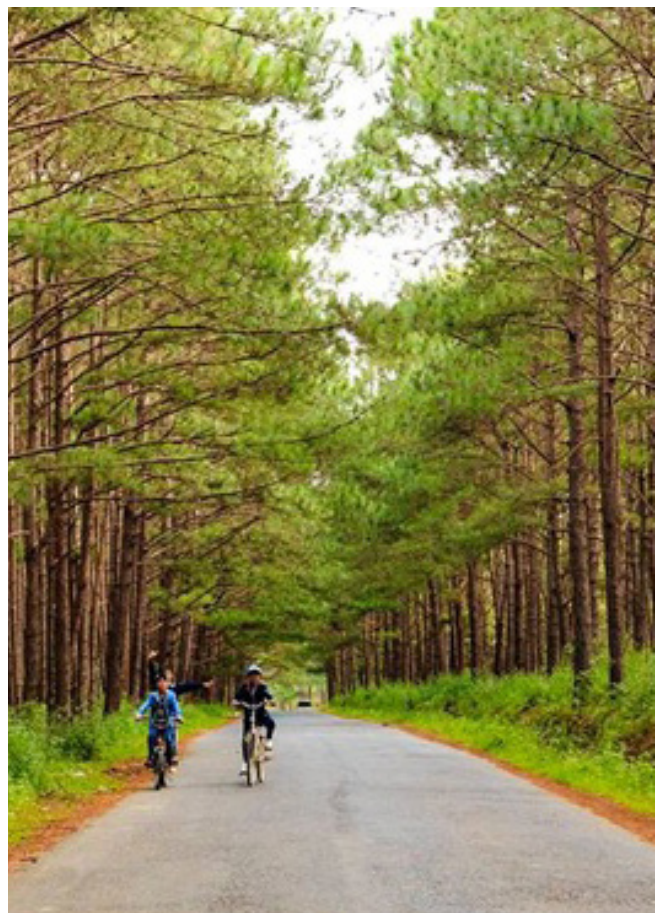
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Xây dựng huyện Đơn Dương phát triển toàn diện, bền vững, là trung tâm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh của tỉnh, khu vực và cả nước; phát triển công nghiệp theo hướng chọn lọc, tập trung vào những ngành, nghề, lĩnh vực lợi thế; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng 2 thị trấn; quan tâm lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống dịch bệnh; Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính. Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng huyện Đơn Dương đạt nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh vào năm 2025.



KINH TẾ

- Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế nông - lâm - thủy sản 48,3%; công nghiệp - xây dựng 15,4%; dịch vụ 36,3%.
- Thu ngân sách Nhà nước bình quân năm tăng từ 11 - 12%, trong đó thu thuế, phí bình quân năm tăng từ 12 - 14%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 120 triệu đồng.
- 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 5/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh.



XÃ HỘI

- Đến năm 2025, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 11,5%/năm, riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm tối thiểu 2 - 3%/năm (theo tiêu chí hộ nghèo giai đoạn 2020 - 2025).
- Giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp, trên 94,4% trường đạt chuẩn quốc gia;
- 100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, có từ 7,5 đến 8 bác sĩ/1 vạn dân.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 98% trở lên



MÔI TRƯỜNG

- Đến năm 2025, 95% trở lên rác thải đô thị, trên 95% rác thải nông thôn được thu gom và xử lý;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 60%

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Kết quả đánh giá hàng năm của các tổ chức cơ sở đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức không hoàn thành nhiệm vụ



ĐỨC TRỌNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đức Trọng nằm ở trung tâm tỉnh Lâm Đồng, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp thành phố Đà Lạt

Phía Nam giáp huyện Bắc Bình và huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

Phía Đông giáp huyện Đơn Dương và huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Phía Tây giáp huyện Lâm Hà và huyện Di Linh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

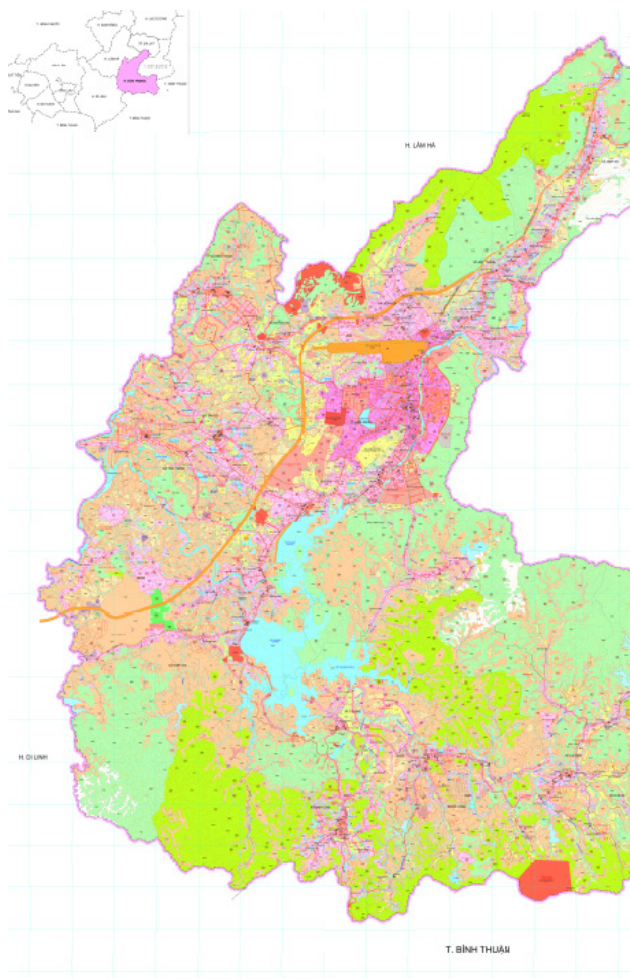
Diện tích: 903,62 km²

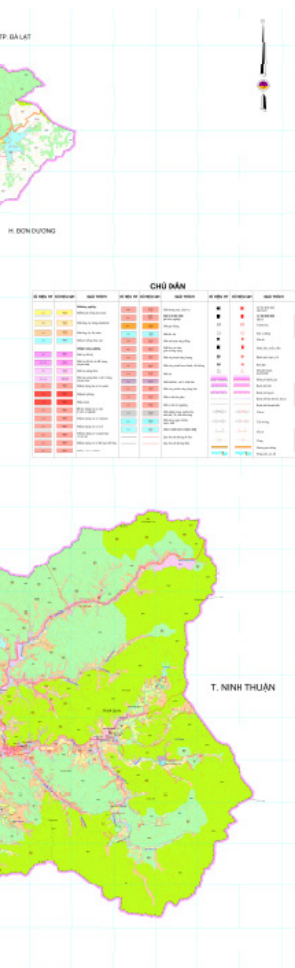
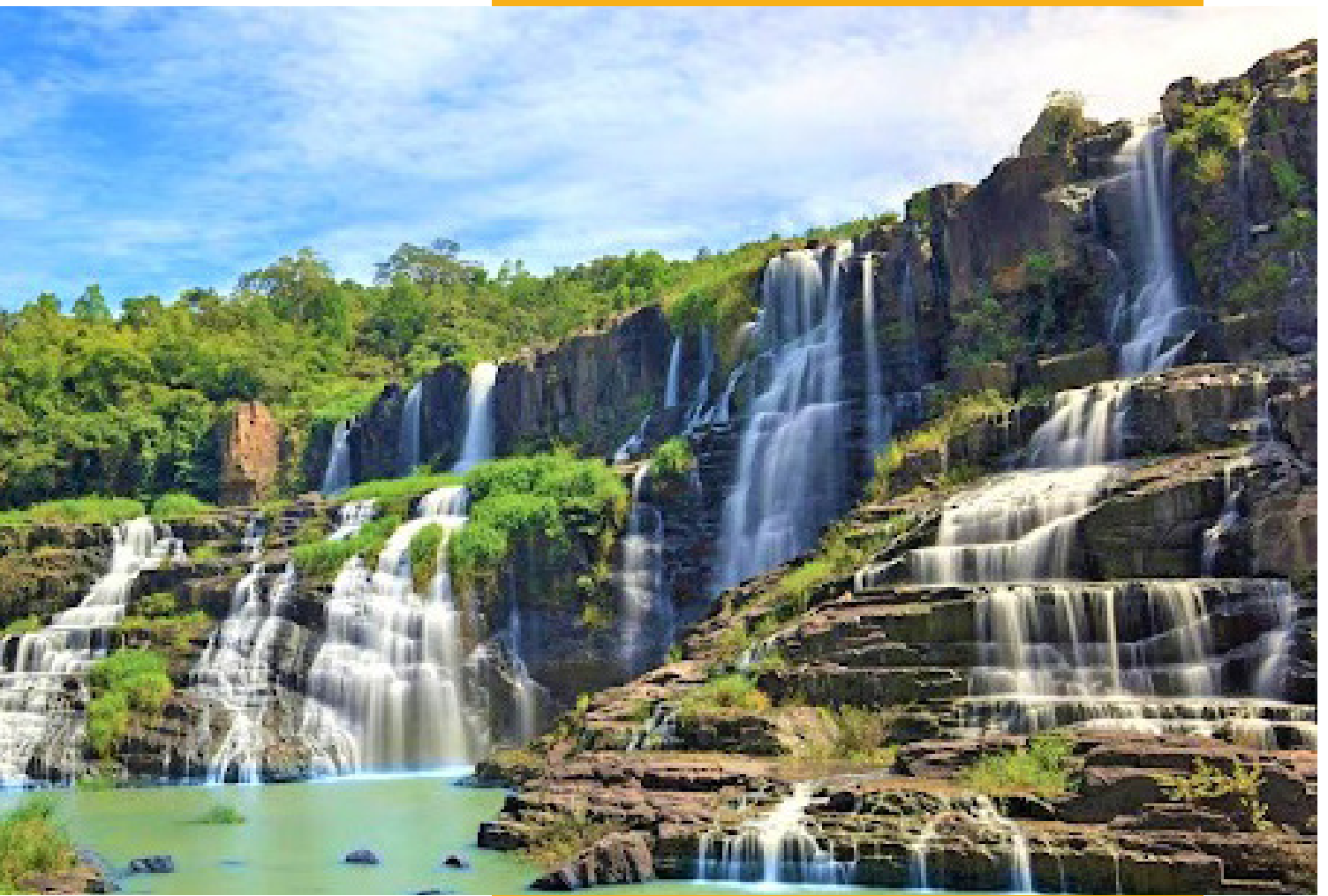
Dân số trung bình: 184.884 người.

Mật độ: 205 người/km²

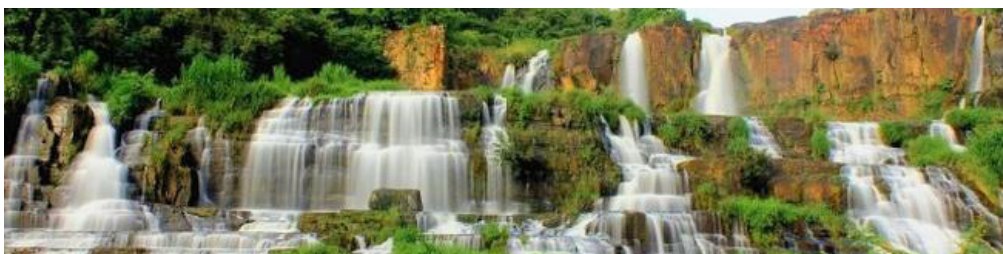
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đơn Dương có 15 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm thị trấn Liên Nghĩa và 14 xã: Bình Thạnh, Đà Loan, Đa Quyn, Hiệp An, Hiệp Thạnh, Liên Hiệp, Ninh Gia, Ninh Loan, N'Thol Hạ, Phú Hội, Tà Hine, Tà Năng, Tân Hội, Tân Thành.



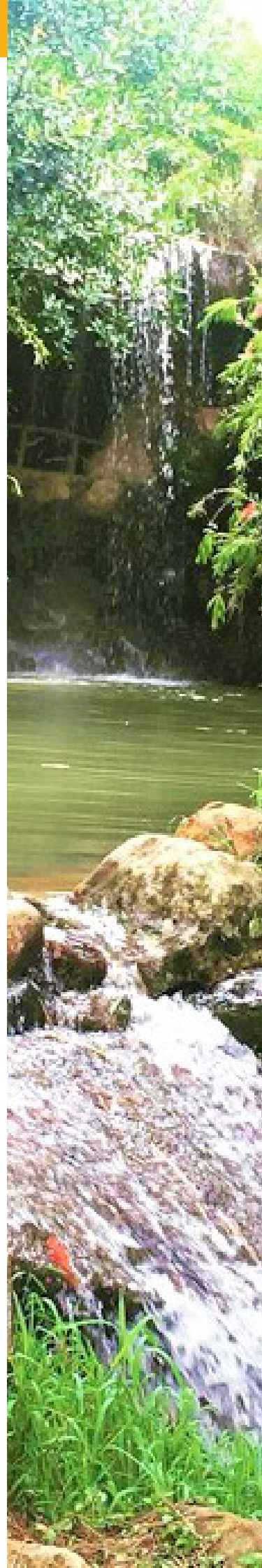


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



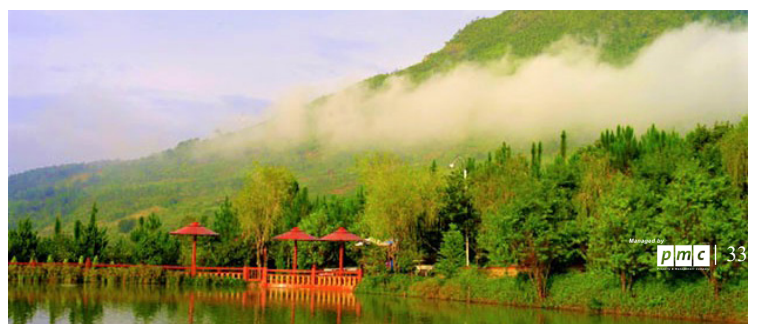
Phát huy có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế của huyện, tranh thủ các nguồn lực đầu tư của Tỉnh và Trung ương, các nguồn vốn ngoài ngân sách để phát triển Đức Trọng trở thành trung tâm dịch vụ, thương mại của tỉnh. Tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa thị trấn Liên Nghĩa và một số xã kế cận, xây dựng Đức Trọng đạt tiêu chuẩn thị xã. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, bền vững và xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa; hỗ trợ phát triển các lĩnh vực dịch vụ, thương mại; chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, thương mại, công nghiệp. Đảm bảo về môi trường phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát huy dân chủ, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thật sự trong sạch vững mạnh.

- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn bình quân năm tăng từ 10-12%, trong đó thu thuế, phí bình quân năm tăng từ 12-14%.
- Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2020-2025 đạt 690-720 triệu USD
- Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí nâng cao. Từ 1-2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Xây dựng trên 50% khu dân cư tiêu biểu, trong đó trên 30% khu dân cư kiểu mẫu.
- Xây dựng huyện nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa.

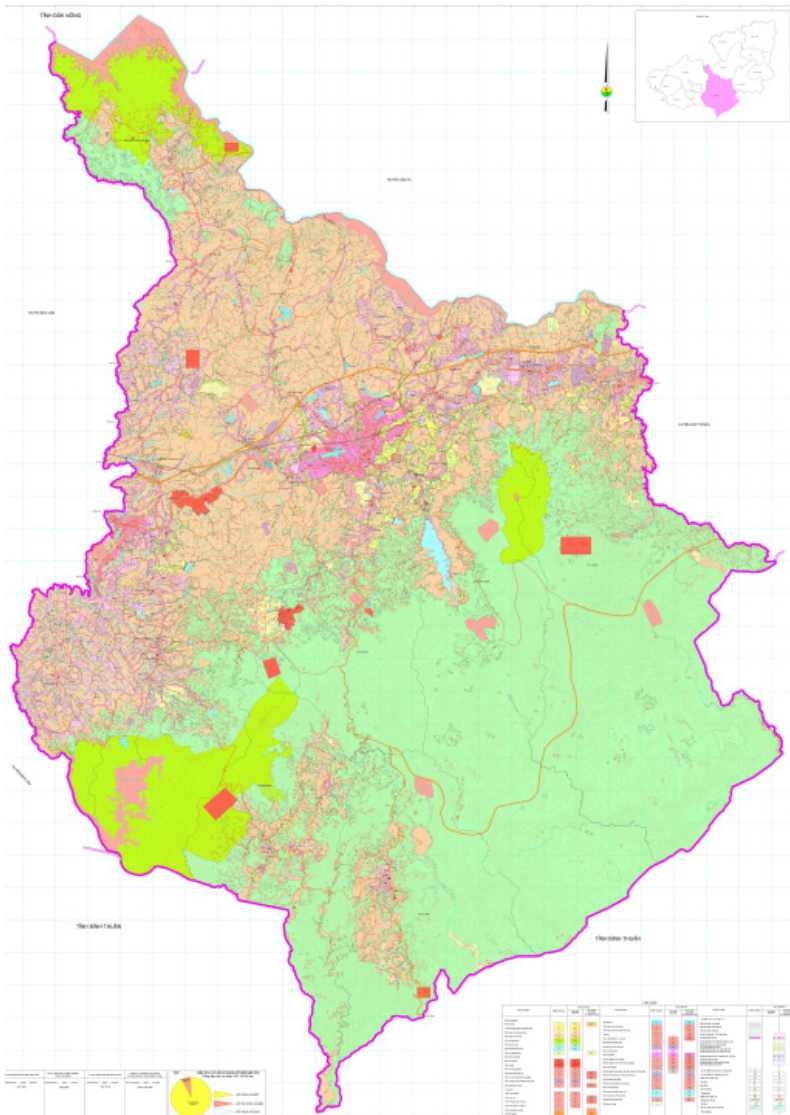




- Xây dựng huyện Đức Trọng thành đô thị loại IV.
- Phấn đấu đạt tỷ lệ che phủ rừng 42%.
- Có 100% rác thải đô thị, rác thải nông thôn được thu gom và xử lý.
- Tỷ lệ hộ dân đô thị sử dụng nước sạch đạt 80% trở lên; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 99%. 100% hộ dân được sử dụng điện.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 là 1,03%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm quy mô hộ với mức 2/3 tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2020 - 2025, riêng hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm quy mô hộ với mức 1/2 tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Giữ vững kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp; 85% trở lên trường công lập đạt chuẩn quốc gia.
- Giữ vững và nâng cao chất lượng 15/15 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; 8,5-9 bác sỹ/1 vạn dân, 16 giường bệnh vạn dân, riêng khu vực nội thị 24 giường bệnh 1 vạn dân.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên.
- Đến năm 2025, 97% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 98,5% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; 98% cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.
- Giữ vững và nâng cao chất lượng 14/14 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, thị trấn Liên Nghĩa đạt chuẩn văn minh đô thị.
- Phấn đấu hàng năm có 100% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành nhiệm vụ trở lên.



DI LINH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Di Linh nằm ở trung tâm tỉnh Lâm Đồng, trên cao nguyên Di Linh và có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Đức Trọng

Phía Tây giáp huyện Bảo Lâm

Phía Nam giáp các huyện Bắc Bình và Hàm Thuận Bắc thuộc tỉnh Bình Thuận

Phía Bắc giáp huyện Đăk Glông, tỉnh Đăk Nông và huyện Lâm Hà.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

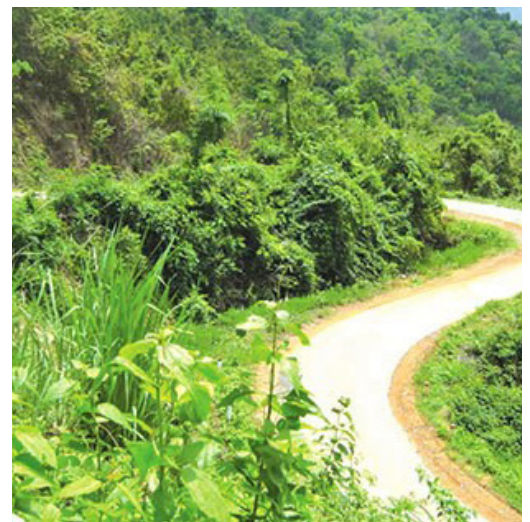
Diện tích: 1.614,18 km²

Dân số trung bình: 161.781 người.

Mật độ: 100 người/km²

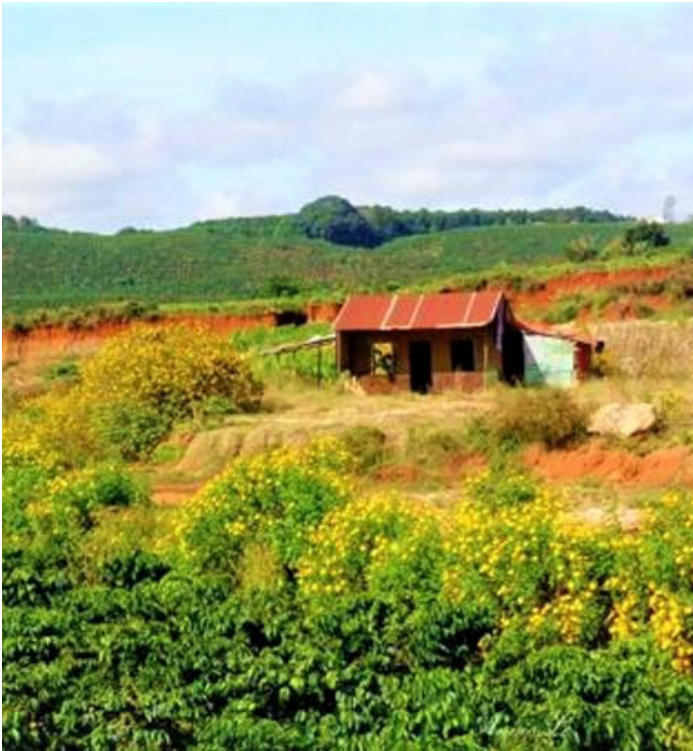
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Di Linh có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Di Linh và 18 xã: Bảo Thuận, Đinh Lạc, Đinh Trang Hòa, Đinh Trang Thượng, Gia Bắc, Gia Hiệp, Gung Ré, Hòa Bắc, Hòa Nam, Hòa Ninh, Hòa Trung, Liên Đầm, Sơn Điền, Tam Bố, Tân Châu, Tân Lâm, Tân Nghĩa, Tân Thượng.



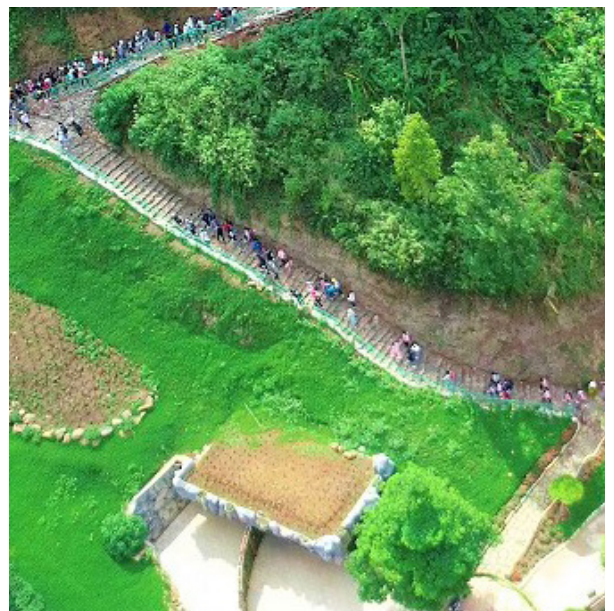
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



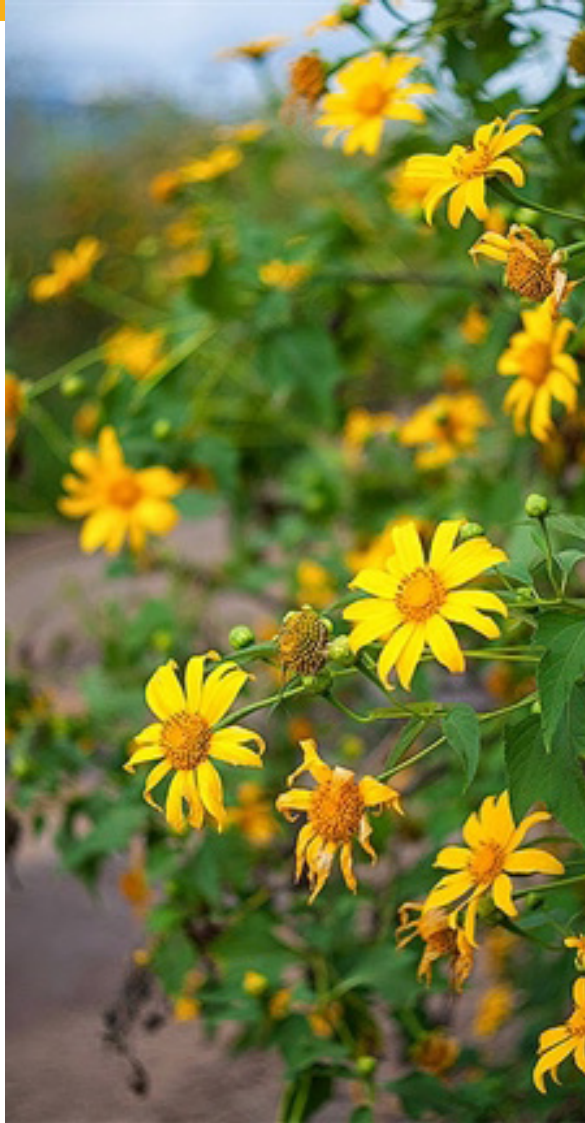
Tập trung huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; trong đó phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại, nông thôn văn minh và nông dân giàu có; chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ; nâng cao thu nhập bình quân đầu người; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại; tăng cường công tác quản lý tài nguyên môi trường, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng; quan tâm phát triển văn hóa, xã hội, gắn với bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, làm tốt.

Công tác đảm bảo an sinh xã hội; chú trọng phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chăm lo phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc y tế cho nhân dân; tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; giữ vững quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Phần đầu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới kiểu mẫu và tạo những tiền đề cơ bản để thị trấn Di Linh trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ thuộc tiểu vùng II của tỉnh.



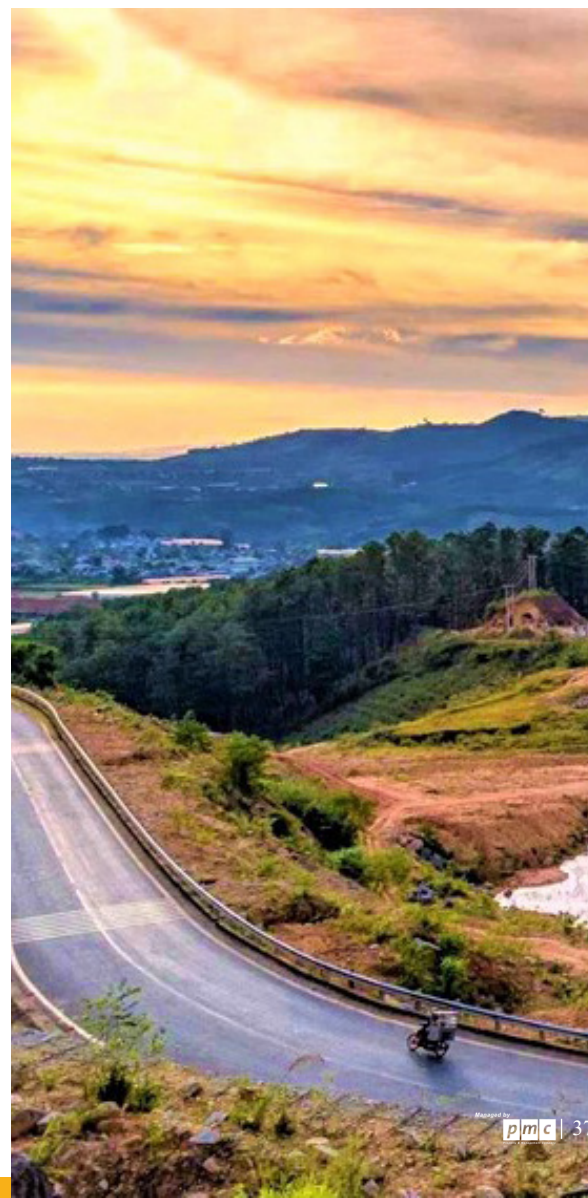
- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất trên địa bàn 5 năm (theo giá so sinh năm 2010) từ 8-9% trong đó: Nông - lâm - thủy tăng từ 5 - 5,5%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng 9-10%; thương mại, dịch vụ, khác tăng 10-11%.
- Chuyển dịch các ngành kinh tế đến năm 2025: Khu vực nông - lâm - thủy chiếm 42%; công nghiệp, xây dựng 11%; thương mại, dịch vụ 47%.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt đạt 150 triệu đồng trở lên.
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 1.878 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 7%, trong đó: Thu thuế, phí đạt 1.653 tỷ đồng, tăng bình quân 9,06%
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 62 - 65 triệu đồng
- Huyện đạt chuẩn NTM, 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó 5 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu và có 35% thôn NTM kiểu mẫu.





- Phần đầu đến năm 2025, diện tích cây trồng toàn huyện chủ động nước tưới đạt 70%.
- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định từ 51,5% đến 52%.
- Đến năm 2025, 95% rác thải đô thị, trên 81% rác thải nông thôn được thu gom.
- Dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đạt 98,9% và tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96% trở lên.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1%.
- Phần đầu hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1 - 1,5%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 1,5 - 2%.

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%, đạt 5 bác sỹ/vạn dân.
- Đến năm 2025, có từ 91,5% hộ gia đình văn hóa, trên 95,7% số thôn, tổ dân phố văn hoá; 98% số cơ quan, đơn vị văn hoá; 100% xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới; thị trấn Di Linh giữ vững chuẩn đô thị văn minh; Hòa Ninh đạt chuẩn đô thị văn minh.
- Phần đầu hàng năm có 75% TCCS đảng trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% TCCS đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có TCCS đảng không hoàn thành nhiệm vụ.
- Hàng năm kết nạp từ 140 đảng viên trở lên, trong đó 65% đảng viên mới trở lên là đoàn viên thanh niên.



BẢO LÂM

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bảo Lâm nằm trên cao nguyên Di Linh, độ cao trung bình là 900 m, có địa giới hành chính:

Phía Đông giáp huyện Di Linh;

Phía Tây giáp các huyện Đạ Tẻh và Cát Tiên;

Phía Tây Nam giáp huyện Đạ Huoai và thành phố Bảo Lộc.

Phía Nam giáp các huyện Tân Linh và Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận);

Phía Bắc giáp thành phố Gia Nghĩa và các huyện Đắk R'lấp, Đắk Glong (Đắk Nông).

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

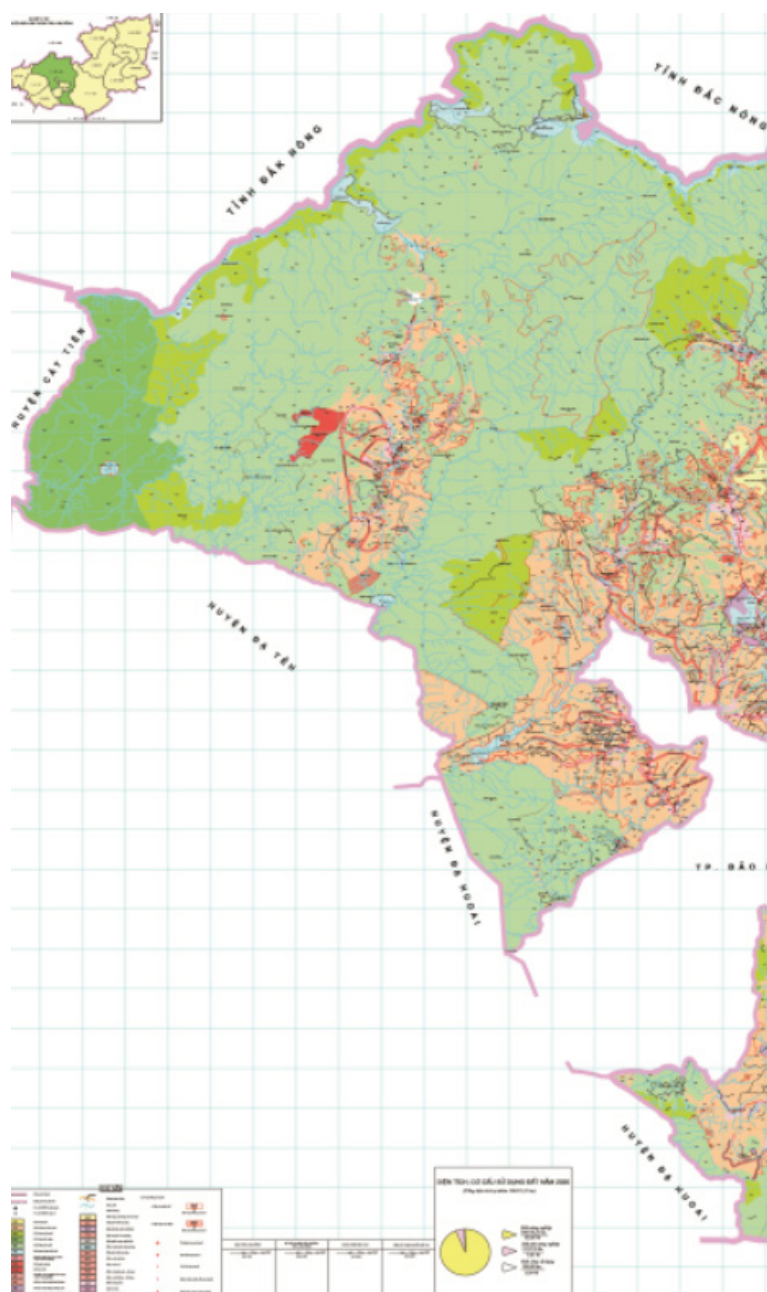
Diện tích: 1.463,42 km²

Dân số trung bình: 121.664 người.

Mật độ: 83 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bảo Lâm gồm thị trấn Lộc Thắng và 13 xã: B'Lá, Lộc An, Lộc Bắc, Lộc Bảo, Lộc Đức, Lộc Lâm, Lộc Nam, Lộc Ngãi, Lộc Phú, Lộc Quảng, Lộc Tân, Lộc Thành, Tân Lạc.





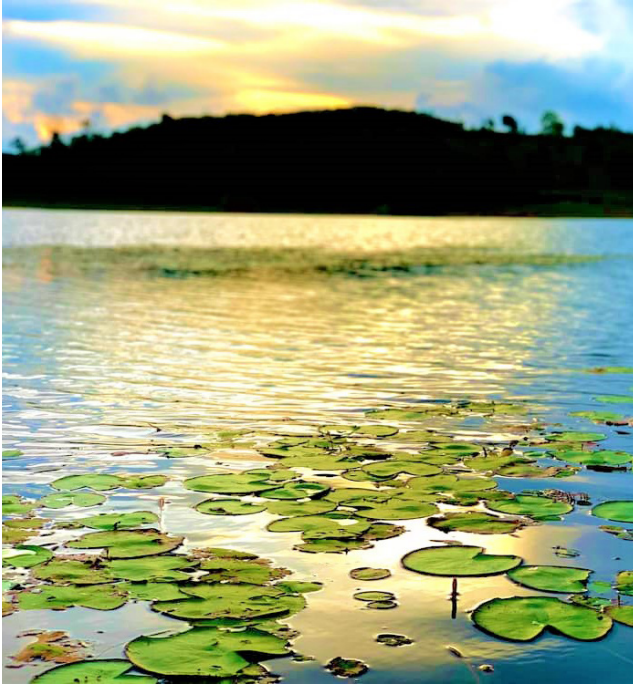
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

KINH TẾ

- Tổng giá trị sản xuất (GO) trên địa bàn (theo giá so sánh 2010) tăng 8-8,5%, trong đó: khu vực nông - lâm nghiệp tăng 5-6%, công nghiệp - xây dựng tăng 9-10% và dịch vụ tăng 12-13%.
- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 34-34,5%; công nghiệp xây dựng 49-50%; dịch vụ 16-16,5%.
- Dự toán giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 1.031,9 tỷ đồng, trong đó phần huyện quản lý năm 2022 là: 478,5 tỷ đồng tăng 135% so với DT năm 2021; trong đó, thuế và phí: 187 tỷ đồng tăng 63% so với DT năm 2021; thu từ lĩnh vực đất, nhà: 280 tỷ đồng tăng 254% so với DT năm 2021; Tài chính thu: 11 tỷ đồng tăng 22% so với DT năm 2021; thu cấp quyền khai thác khoáng sản là 0,5 tỷ đồng, tăng 25% so với dự toán năm 2021. Phần tỉnh quản lý là 553,4 tỷ đồng, tăng 38% so với dự toán năm 2021.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 250 triệu USD tăng 8,7% so với năm 2021.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,6%.





MÔI TRƯỜNG

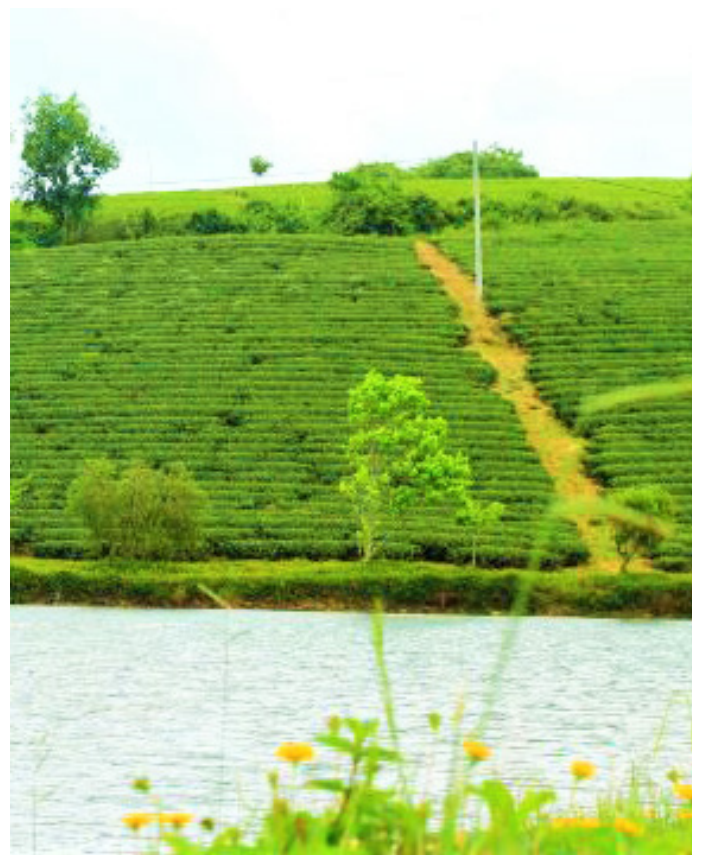
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,5%.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,5%; tỷ lệ hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 82%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn, nước, chất thải y tế...) đạt 87%.

XÃ HỘI

- Có 13 xã đạt chuẩn “Văn hóa nông thôn mới”, thị trấn Lộc Thắng giữ vững tiêu chí đạt chuẩn văn minh đô thị; tỷ lệ hộ gia đình được công Gia đình văn hoá 91%; tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hoá” 99,21%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá 99,27%.
- Có 14/14 xã duy trì bền vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, thanh niên trong độ tuổi hoàn thành chương trình trung học phổ thông và tương đương 96%; 87,5% trường công lập thuộc huyện đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn dưới 2,68%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn dưới 6,11% (theo tiêu chí mới).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 61%.
- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 92,2% trở lên.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,05%.
- Duy trì 14 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

NÔNG THÔN MỚI

- Tiếp tục duy trì 13 xã đạt chuẩn NTM hướng tới NTM nâng cao: 02 xã Lộc Ngãi, Lộc Thành đạt chuẩn xã NTM nâng cao; xã Lộc An cơ bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; xã Lộc Quảng giữ vững NTM nâng cao.
- Xây dựng huyện Bảo Lâm đạt chuẩn NTM.



ĐẠ HUOAI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Đạ Huoai nằm ở phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng, có vị trí địa lý:

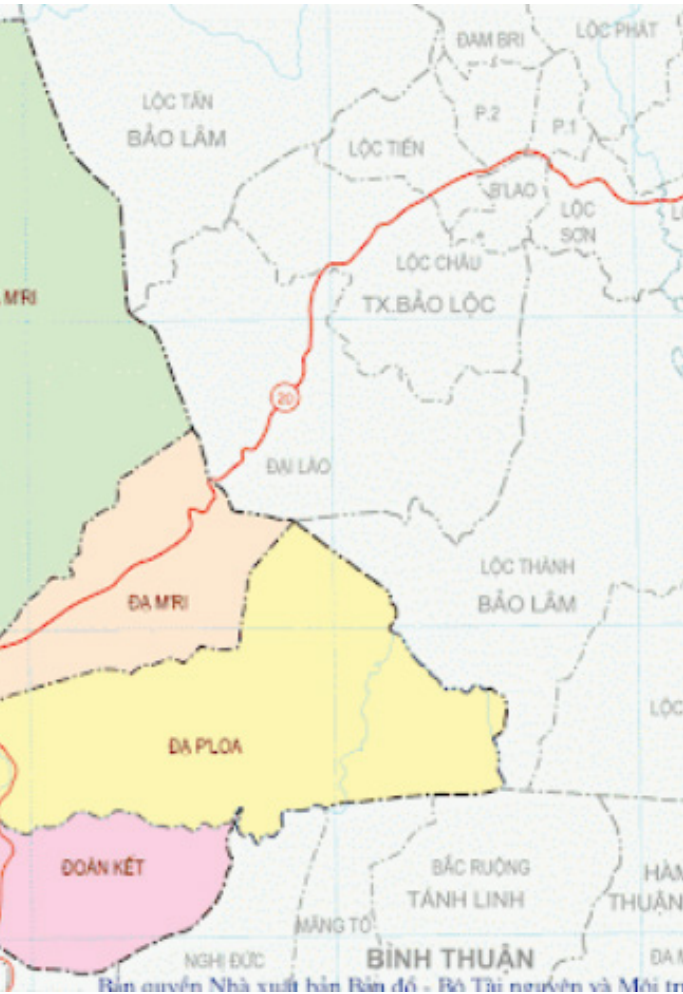
Phía Đông giáp thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm

Phía Tây giáp huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và huyện Đạ Tẻh

Phía Nam giáp huyện Tân Linh và huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Phía Bắc giáp huyện Bảo Lâm và huyện Đạ Tẻh.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

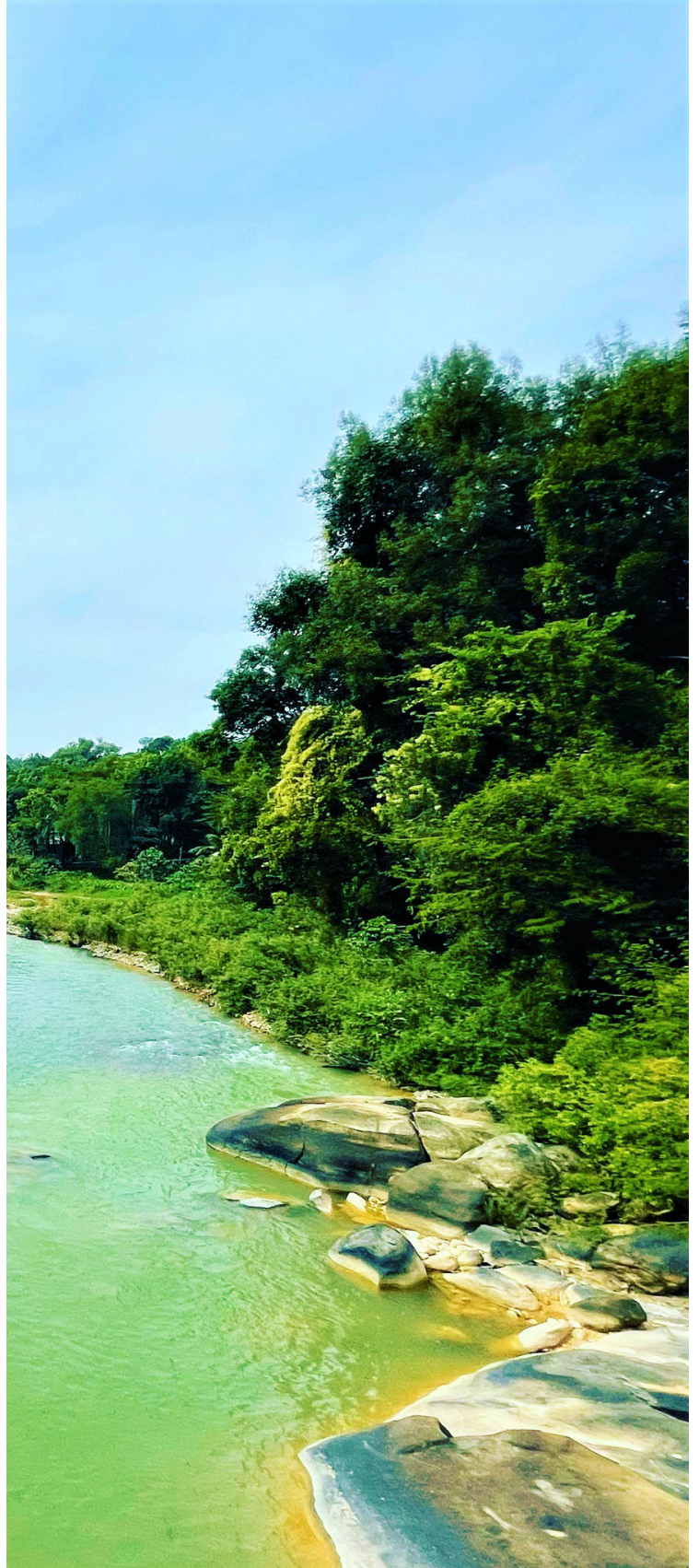
Diện tích: 495,56 km²

Dân số trung bình: 36.919 người.

Mật độ: 74 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

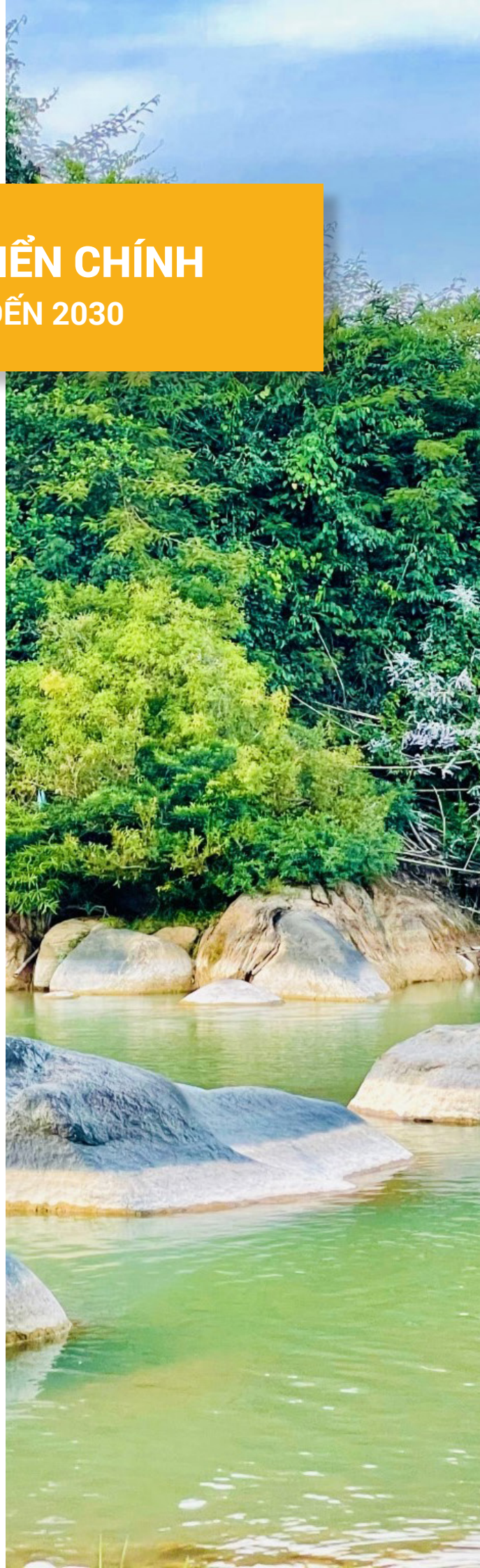
Huyện Đa Huoai có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Ma Đa Guôi, Đa M'ri và 7 xã: Đa Ploa, Đa Oai, Đa Tồn, Đoàn Kết, Hà Lâm, Ma Đa Guôi, Phước Lộc.

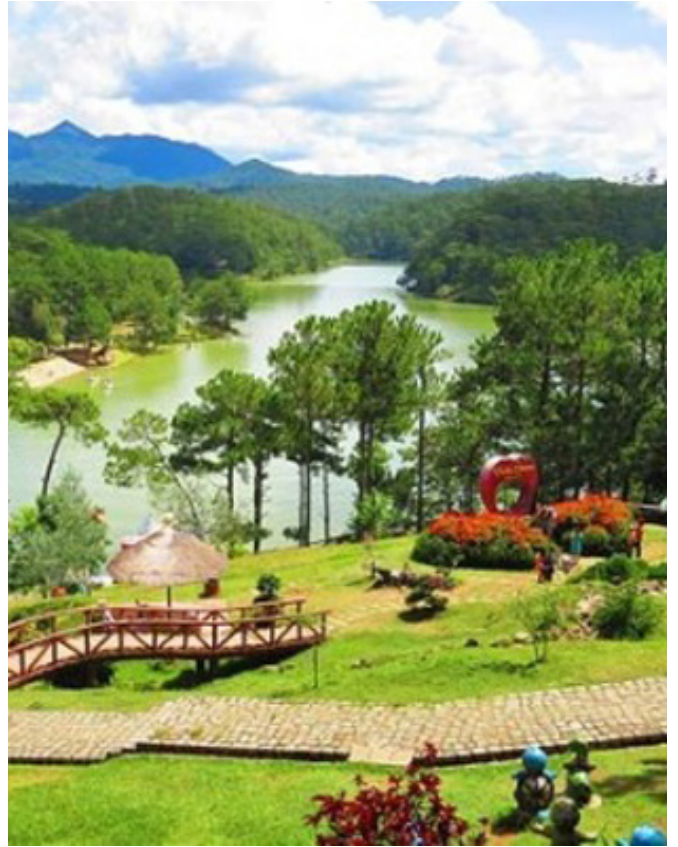


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trên địa bàn tăng bình quân từ 9 - 10%/năm;
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nông nghiệp - dịch vụ và công nghiệp;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 10% - 12% (đạt từ 610 - 620 tỷ đồng);
- Tổng vốn đầu tư xã hội trên địa bàn huy động đạt 6.700 - 6.800 tỷ đồng;
- Tổng kim ngạch xuất khẩu trong nhiệm kỳ đạt 70 - 75 triệu USD;
- 7/7 xã hoàn thành xã nông thôn mới nâng cao và nâng cao chất lượng đô thị văn minh tại 2 thị trấn;
- Thu nhập bình quân đến năm 2025 đạt 73 - 75 triệu đồng/người/ năm;

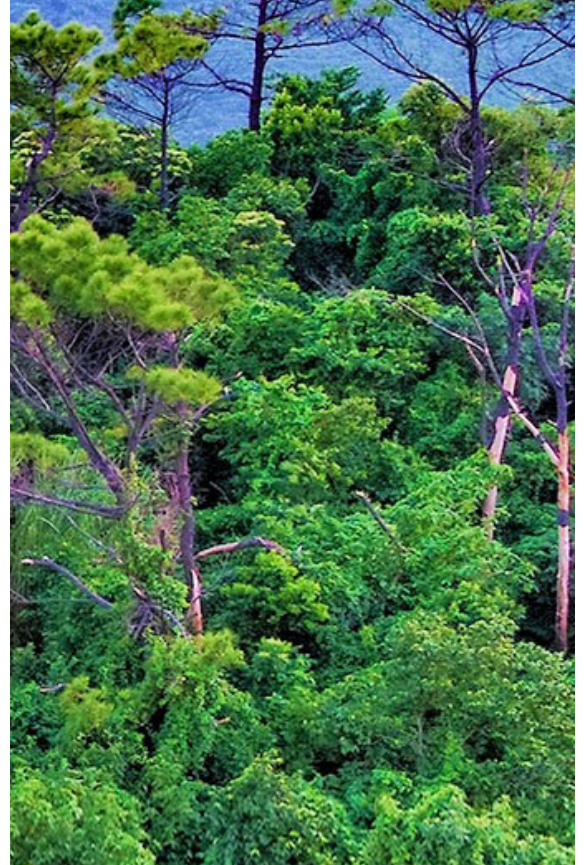




- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến mức thấp nhất;
- 93,5% trường học đạt chuẩn Quốc gia;
- 92% gia đình và 95% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;
- 75% người dân vùng đô thị sử dụng nước sạch và 99% hộ dân vùng nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;
- Tỷ lệ thu gom rác vùng đô thị đạt 90% và vùng nông thôn đạt 80%;
- Độ che phủ rừng đạt 63%;
- Quốc phòng, an ninh được giữ vững và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.
- Hàng năm, có từ 90% tổ chức cơ sở TCCSĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó, có 20% TCCSĐ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có TCCSĐ yếu kém;
- Hàng năm kết nạp từ 40 đảng viên mới trở lên.

ĐÀ NẴNG





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

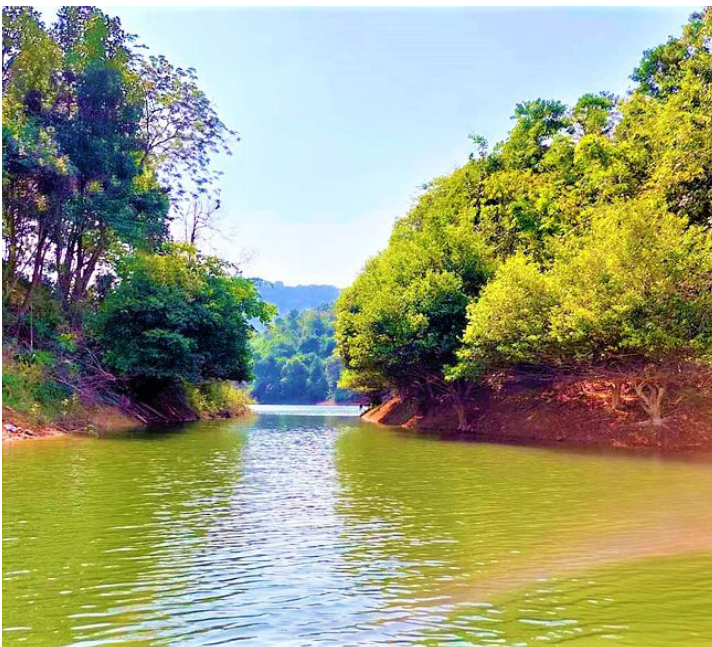
Đạ Tẻh là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng, trên vùng tiếp giáp giữa cao nguyên Di Linh và vùng Đông Nam Bộ.

Phía Bắc giáp hai huyện Cát Tiên và Bảo Lâm.

Phía Nam giáp huyện Đạ Huoai.

Phía Tây giáp huyện Cát Tiên và huyện Tân Phú (tỉnh Đồng Nai).

Phía Đông giáp huyện Bảo Lâm.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 526,96 km²

Dân số trung bình: 49.019 người.

Mật độ: 93 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đạ Tẻh có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Đạ Tẻh và 8 xã: An Nhơn, Đạ Kho, Đạ Lây, Đạ Pal, Mỹ Đức, Quảng Trị, Quốc Oai, Triệu Hải.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nhiệm kỳ trên địa bàn đạt 7,82%;
- Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 7,82%;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 65 triệu đồng;
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích đến năm 2025 đạt 124,5 triệu đồng/ha;
- Đến năm 2025 tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế của huyện là: nông – lâm – thủy sản chiếm 42%, dịch vụ chiếm 46%, công nghiệp - xây dựng chiếm 12%;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2025 đạt 4.862 tỷ đồng;
- Thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2020 - 2025 có tốc độ tăng trung bình đạt 5 - 7%/năm;
- Tỷ lệ gia đình, thôn, buôn tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa đạt từ 96 đến 97%;
- Có 8/8 xã được công nhận nông thôn mới nâng cao, trong đó có 4/8 xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu;



- Có từ 85% trở lên số trường công lập đạt chuẩn quốc gia;
- Có từ 8 - 9,5 bác sĩ/vạn dân;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 50%;
- Số người đóng bảo hiểm xã hội 5.161 người, đạt tỷ lệ bao phủ 20%; 95% người dân sử dụng Bảo hiểm Y tế;
- 95% người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh;
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 63%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý chất thải rắn được thu gom xử lý đạt 95%, xử lý chất thải khu vực nông thôn đạt 75%;
- Hàng năm có trên 85 tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Hàng năm, Đảng bộ huyện phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và trong nhiệm kỳ kết nạp 250 đảng viên mới (50 đảng viên đảng viên mới/năm).



CÁT TIÊN

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

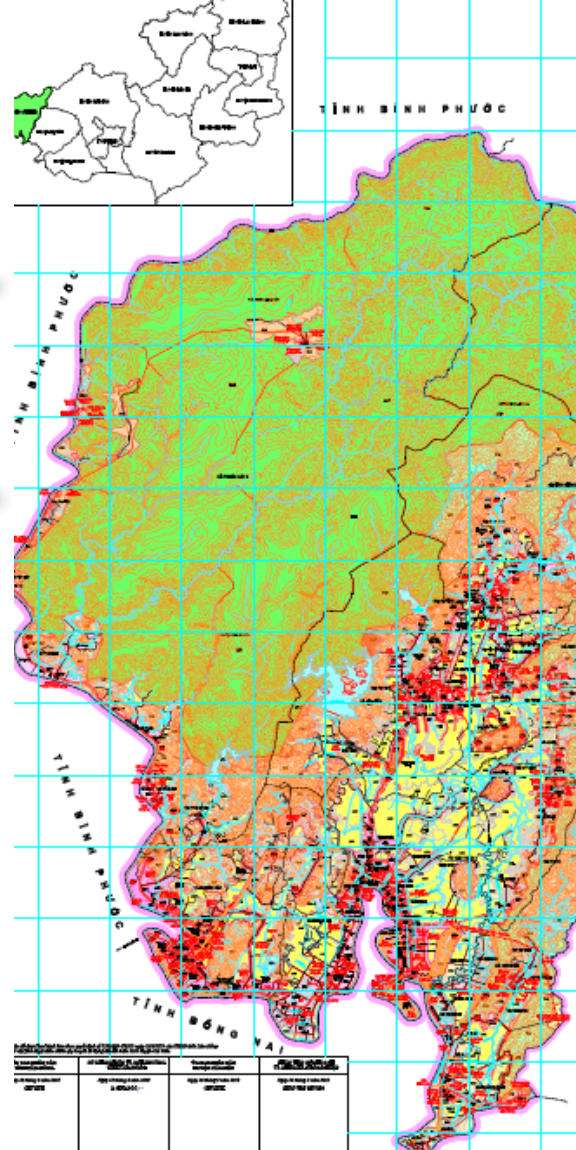
Cát Tiên nằm ở phía Nam tỉnh Lâm Đồng, có độ cao từ 300 – 400m so với mực nước biển.

Phía Đông giáp huyện Đạ Tẻh và huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Phía Tây giáp huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Phía Nam giáp huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Phía Bắc giáp huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

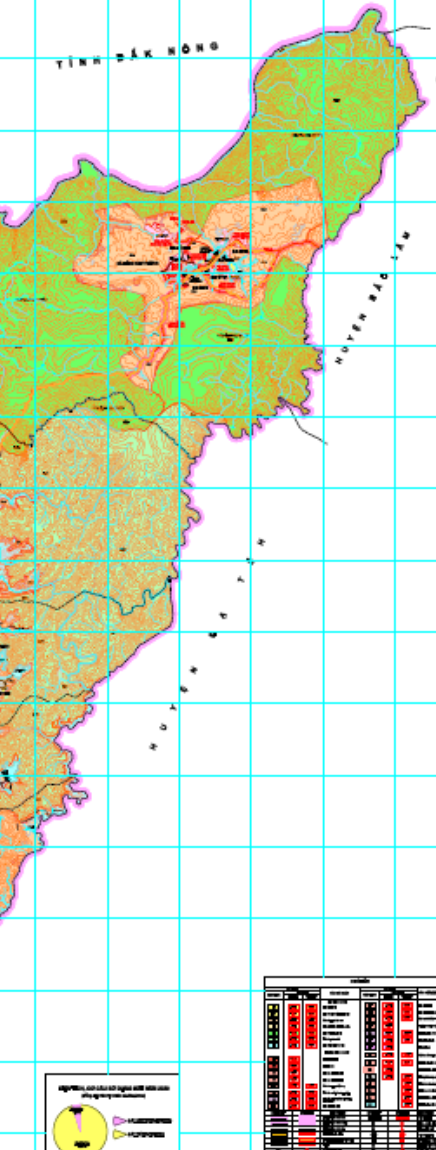
Diện tích: 426,95 km²

Dân số trung bình: 40.618 người.

Mật độ: 95 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

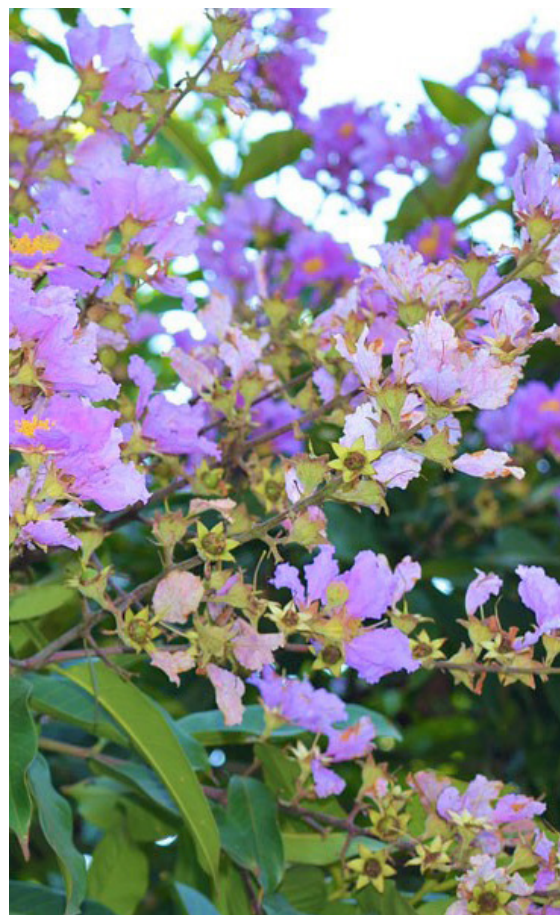
Huyện Cát Tiên có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Cát Tiên, Phước Cát và 7 xã: Đồng Nai Thượng, Đức Phổ, Gia Viễn, Nam Ninh, Phước Cát 2, Quảng Ngãi, Tiên Hoàng.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tổng giá trị sản xuất GO tăng bình quân từ 8 - 9%/năm;
- Thu nhập bình quân đầu người đến 2025 đạt 65 – 70 triệu đồng/người/năm;
- Tổng thu ngân sách tăng bình quân hàng năm 9 - 10%/năm;
- Đến 2025, tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch trên 80%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trên 97%;
- Duy trì độ che phủ rừng từ 69,3% trở lên;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên không quá 1,05%;

- Phấn đấu đến 2025, tỷ lệ hộ nghèo của huyện thấp hơn mức bình quân chung của tỉnh;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia trên 94%;
- Có 95% gia đình văn hóa, 95% thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa, 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 2 thị trấn Cát Tiên và Phước Cát đạt chuẩn đô thị văn minh;
- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế và 10 bác sĩ/vạn dân;
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 95% trở lên;
- Đến 2025 có 3 - 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 1 - 2 xã nông thôn mới kiểu mẫu;
- Duy trì và nâng cao huyện đạt chuẩn nông thôn mới;
- Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh.



Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Lâm Đồng Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Lâm Đồng

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/bc6jq1>

Thành phố Đà Lạt

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Lạt
lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/hh7sgt>

Thành phố Bảo Lộc

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Lộc lần
thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/9sh26s>

Huyện Đam Rông

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đam Rông
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/78dyab>

Huyện Lạc Dương

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Lạc Dương
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/0sx5r>

Huyện Lâm Hà

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lâm Hà lần
thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/d722kd>

Huyện Đơn Dương

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đơn Dương
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/js8nw2>

Huyện Đức Trọng

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Trọng lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/5d2cki>

Huyện Di Linh

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Di Linh lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bitly.com.vn/btsv24>

Huyện Bảo Lâm

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Lâm lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/20lnsm>

Huyện Đạ Huoai

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đạ Huoai lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/etsn14>

Huyện Đạ Tẻh

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đạ Tẻh lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/tsn299>

Huyện Cát Tiên

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/xctcmn>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Lâm Đồng

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	9.783,34	1.312.926	134
Thành phố Đà Lạt	394,46	229.614	582
Thành phố Bảo Lộc	233,15	163.877	703
Huyện Đam Rông	872,1	50.548	58
Huyện Lạc Dương	1.311,36	26.239	20
Huyện Lâm Hà	930,23	142.417	153
Huyện Đơn Dương	611,35	105.346	172
Huyện Đức Trọng	903,62	184.884	205
Huyện Di Linh	1.614,18	161.781	100
Huyện Bảo Lâm	1.463,42	121.664	83
Huyện Đạ Houai	495,56	36.919	74
Huyện Đạ Tẻh	526,96	49.019	93
Huyện Cát Tiên	426,95	40.618	95

